

Số 02-2017 (10)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



✿ **LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA IX)**

✿ **HÀNH TRÌNH PCI LÂM ĐỒNG**

✿ **KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGHỀ TRỒNG DÂU NUÔI TẮM TẠI LÂM ĐỒNG**



TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN
Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163 - Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ngô Đình Văn Châu

Biên tập

Nguyễn Minh Tâm

Ngô Huy Đông

Huyền Thanh Mai

Nguyễn Thanh Nhân

Phạm Thị Nhâm

Trình bày:

Lê Cao Nguyên

Ảnh bìa:

**Sản xuất và chế biến
sản phẩm chanh dây
tại Công ty TNHH TM & DV
Trường Hoàng**

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- 1 **Phan Văn Phần** - Lâm Đồng đẩy mạnh thực hiện đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX)
- 4 **Lê Hoa** - Hành trình PCI Lâm Đồng
- 6 Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020
- 8 Chấn chỉnh hoạt động thanh, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 9 **Nguyễn Mậu Tuấn** - Kết quả ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển bền vững nghề trồng dâu nuôi tằm tại Lâm Đồng
- 11 **Nguyễn Thị Thanh Tâm** - Tập huấn "Xây dựng, áp dụng và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025:2005"
- 12 **Nguyễn Thị Lệ Hoàng** - Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của ngành Công Thương năm 2017
- 13 Nghiên cứu ứng dụng mã QR để truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, chống gian lận thương mại
- 14 Quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- 15 Hỗ trợ dự án ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường
- 16 Lãnh đạo tỉnh đối thoại với doanh nghiệp và hợp tác xã
- 17 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 19 **Nhật Quân** - Công ty Sản xuất Thương mại Nông sản Phong Thủy với mô hình liên kết hình thành chuỗi giá trị nông sản
- 21 **Vũ Văn** - Thương hiệu mắc ca Việt Xanh từ lò sấy thủ công
- 22 **Đặng Quốc Minh** - Công ty TNHH TM & DV Trường Hoàng đồng hành cùng nông dân sản xuất và chế biến sản phẩm chanh dây
- 24 **Mạc Khải** - Năm đầu lập Hợp tác xã rau sạch ở Đà Lạt
- 25 Công nghệ mới - Sản phẩm mới

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 27 Tiêu chuẩn quy trình giám sát nguồn gốc - Bộ nguyên tắc UTZ
- 29 **Nguyễn Thị Đỗ Quyên** - Yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn và mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với dâu tây tươi
- 31 Thông tin các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

LÂM ĐỒNG ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA IX)

PHAN VĂN PHẤN

Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Kinh tế tập thể là một thành phần quan trọng trong nền kinh tế của nước ta, không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế mà còn có vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định: “*Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*”.

Thành quả của việc phát triển kinh tế tập thể tại Lâm Đồng thời gian qua

Những kết quả nổi bật

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Đảng, thời gian qua, Lâm Đồng đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trong phát triển kinh tế, xã hội nói chung và kinh tế tập thể nói riêng. Nhìn chung, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã (HTX) của tỉnh đã và đang phát triển cả về số lượng, quy mô và chất lượng hoạt động⁽¹⁾. Kinh tế tập thể của tỉnh cũng được đổi mới toàn diện cả về nội dung và hình thức hợp tác; phát triển đa dạng hóa các ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với từng địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trước hết, nhận thức về vai trò của kinh tế tập thể, HTX đã có bước chuyển biến tích cực hơn; các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ đảng viên và người dân đã nhận thức rõ hơn về các quan điểm phát triển của kinh tế tập thể, thấy được lợi ích về kinh tế - xã hội khi tham gia tổ chức kinh tế này. Qua đó, các HTX, liên hiệp HTX có những đóng góp quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là vùng nông thôn. Vai trò của các HTX, liên hiệp HTX còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội, đặc biệt là đối với những ngành, nghề như nông nghiệp, thủy - hải sản, tín dụng nhỏ, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; góp phần đề cao tinh thần tương thân, tương ái, vì cộng đồng, thúc đẩy dân

chủ hóa, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở; là yếu tố có ý nghĩa quyết định cho việc thành công trong công cuộc xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung, các HTX, tổ hợp tác (THT) trên địa bàn tỉnh đang chuyển từ hoạt động kinh doanh thuần túy sang kinh doanh đa ngành, nghề với mục tiêu hỗ trợ kinh tế hộ phát triển. Kinh tế tập thể mà nòng cốt là hoạt động của các HTX trong những năm qua đã góp phần giải quyết các mối quan hệ sản xuất, giữa kinh tế tập thể với kinh tế hộ gia đình; là một thành phần kinh tế quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Số lượng các HTX thành lập mới và hoạt động có hiệu quả ngày càng tăng.

Việc đẩy mạnh các hình thức sản xuất trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới thông qua HTX, THT đã có những chuyển biến rõ nét; việc ứng dụng khoa học, công nghệ do các tổ chức kinh tế tập thể đã giúp một bộ phận nông dân tiếp cận với những thành tựu mới trên các lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật canh tác, cách quản lý và tổ chức sản xuất, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường; từng bước thay đổi nhận thức của nông dân, từ đó giúp họ chủ động hợp tác về nhân lực, nguồn vốn và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng, sản lượng lớn, đồng thời cũng là cầu nối thu hút các doanh nghiệp tham gia vào các mối liên kết sản xuất, giúp các thành viên an tâm sản xuất...

Những khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được rất đáng khích lệ, các mô hình kinh tế tập thể có bước phát triển, song sự phát triển đó cũng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định. Cụ thể là:

Hiện nay, các HTX chủ yếu làm dịch vụ nông nghiệp tổng hợp, chưa có nhiều HTX hoạt động khép kín từ khâu dịch vụ đầu vào, tổ chức sản

⁽¹⁾Tính đến nay, toàn tỉnh có 3.731 THT, trong đó có 240 THT nông nghiệp, 190 HTX và Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên 5 lĩnh vực: nông nghiệp; xây dựng; công thương; dịch vụ du lịch; giao thông vận tải.

Toàn tỉnh hiện có 103 HTX nông nghiệp, hầu hết hoạt động theo mô hình HTX kiểu mới theo Luật HTX năm 2012, trong đó có khoảng 50% HTX hoạt động khá và giỏi. Đặc biệt các HTX chuyên sản xuất, cung ứng dịch vụ liên quan tới mặt hàng rau, hoa có bước phát triển ấn tượng, tiêu biểu như các HTX: Anh Đào, Xuân Hương, Tân Tiến, Phước Thành, Hương sắc Đà Lạt, Nông nghiệp xanh... Doanh thu trên một đơn vị diện tích của các thành viên trong HTX nông nghiệp kiểu mới đạt từ 1-1,2 tỷ đồng/ha/năm, lợi nhuận chiếm khoảng 50% doanh thu. Các hộ nông dân sau khi tham gia HTX có thu nhập cao, ổn định.



Thu hoạch rau tại Hợp tác xã Xuân Hương

xuất và giải quyết đầu ra cho sản phẩm; đa số HTX hoạt động cầm chừng do thiếu vốn và tài sản; công tác quản lý còn nhiều hạn chế; số lượng thành viên của các HTX, THT còn thấp, quy mô hoạt động nhỏ.

Một số HTX tồn tại và phát triển chưa thật sự đúng với bản chất của HTX theo Luật HTX hiện nay; một số HTX, THT thành lập mới để đối phó với tiêu chí nông thôn mới, nên chưa chủ động trong kinh doanh, còn trông chờ sự hỗ trợ và chỉ đạo của các cơ quan nhà nước.

Năng lực, trình độ quản lý cũng như nghiệp vụ tổ chức sản xuất - kinh doanh của một số HTX chưa chuyên nghiệp, thiếu chặt chẽ nên khả năng cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác cùng loại hình còn hạn chế.

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật HTX mới và các chủ trương, chính sách có liên quan chưa sâu rộng, chỉ tập trung cho các HTX và thành viên HTX, đa số người dân (ngoài HTX) chưa hiểu rõ và đầy đủ về loại hình kinh tế tập thể thời kỳ đổi mới.

Ngày 23/6/2016, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU về việc thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị "Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể" và Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về "Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX" trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

Kế hoạch số 07-KH/TU đề ra các mục tiêu, yêu cầu tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX, Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị, Luật HTX năm 2012 và các văn bản có liên quan về phát triển kinh tế tập thể; nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các

tầng lớp nhân dân về đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; góp phần đưa kinh tế tập thể, HTX phát triển mạnh hơn nữa, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Kế hoạch cũng xác định phát triển kinh tế tập thể là chủ trương, chính sách lớn, quan trọng của Đảng và Nhà nước, là nhiệm vụ hết sức khó khăn, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền phải kiên quyết, kiên trì thực hiện trên cơ sở thực tiễn địa phương, ngành, lĩnh vực, với quyết tâm cao, không buông lỏng trong lãnh đạo, quản lý. Quá trình thực hiện phải tuân thủ Luật HTX năm 2012 và các văn bản liên quan, đảm bảo HTX là tổ chức kinh tế tập thể, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trên cơ sở bình đẳng, dân chủ, cùng có lợi. Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể phải gắn với các kế hoạch, chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Giải pháp nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể

Thực hiện tốt Kế hoạch số 07-KH/TU là tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể phù hợp với đặc điểm của địa phương và đề án tái cơ cấu nền kinh tế Lâm Đồng; phấn đấu đến năm 2020, khu vực kinh tế tập thể thực sự trở thành thành phần kinh tế quan trọng, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, cần tập trung vào những giải pháp cụ thể sau:

1. Công tác tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt chủ trương, nội dung và kế hoạch thực hiện đổi mới phát triển các hình thức tổ chức kinh tế tập thể đến các cấp, ngành, địa phương, các hội và đoàn thể trong tỉnh bằng nhiều hình thức khác nhau. Tập trung các nội dung tập huấn, đào tạo về Luật HTX năm 2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP,

Phần đầu đến năm 2020, tổng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế tập thể chiếm từ 1,5-2% GRDP của tỉnh, không còn các HTX tồn tại hình thức, nâng tỷ lệ HTX khá, tốt lên trên 70%; không còn HTX yếu kém, hoạt động hình thức. Phần đầu xây dựng mỗi ngành nghề hoạt động kinh doanh có ít nhất một mô hình HTX điển hình tiên tiến. Bình quân hàng năm có từ 10-20 HTX, từ 10-15 THT có chứng thực của UBND xã và 3 Liên hiệp HTX. Đến năm 2020, trong nông nghiệp thành lập khoảng 30 HTX; toàn tỉnh có 250 HTX, 5 liên hiệp HTX và 330 THT có chứng thực của UBND xã. Phần đầu tốc độ tăng trưởng về vốn điều lệ, doanh thu bình quân giai đoạn 2016-2020 của HTX tăng từ 8-10%/năm. Thu nhập bình quân của người lao động thường xuyên trong HTX tăng gấp 2,5-3 lần so với năm 2015. Đảm bảo 100% Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động kinh doanh có lãi; trong đó, có 90% trở lên xếp loại khá, giỏi; không có trường hợp bị thu hồi giấy phép kinh doanh; dư nợ cho vay tăng từ 10-12%/năm. Nâng mức vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX lên 15 tỷ đồng, hỗ trợ tích cực và thiết thực cho HTX vay vốn từ Quỹ. Số lượng xã viên, người lao động tham gia các THT, HTX hàng năm tăng từ 10% trở lên; 100% cán bộ chủ chốt HTX được bồi dưỡng bổ sung các kiến thức về HTX và pháp luật liên quan; có từ 50% cán bộ chủ chốt HTX được đào tạo trình độ từ sơ cấp, trung cấp; 20% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên. Hàng năm, mỗi huyện, thành phố có 1-2 mô hình HTX điển hình tiên tiến. Có 100% ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể các cấp thường xuyên được kiện toàn.

ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2012; Nghị định số 151/2007/NĐ-CP, ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác; lồng ghép việc tuyên truyền, giải thích cho người dân về vai trò, ý nghĩa và lợi ích khi tham gia các loại hình kinh tế tập thể, kết hợp giới thiệu các mô hình có hiệu quả để người dân tham quan, học tập.

2. Công tác khảo sát, đánh giá

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc tiến hành rà soát đánh giá toàn diện hoạt động của các HTX, THT, qua đó xây dựng kế hoạch đẩy mạnh đổi mới, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn huyện, thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020 để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Xem xét giải thể các HTX, THT hoạt động kém hiệu quả hoặc ngưng hoạt động, chỉ còn tồn tại trên hình thức;

đồng thời lựa chọn các HTX, THT hoạt động có hiệu quả xây dựng thành các mô hình điển hình để nhân rộng.

3. Công tác quản lý nhà nước

Các địa phương cần sắp xếp, bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện công tác tham mưu trong lĩnh vực kinh tế tập thể nhằm gắn với công tác quản lý nhà nước về phát triển kinh tế tập thể với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hàng năm thực hiện bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu trong lĩnh vực kinh tế tập thể từ cấp tỉnh đến cấp huyện nhằm thực hiện tốt việc tham mưu, hướng dẫn, tuyên truyền thực hiện các chính sách, quy định của Nhà nước đối với lĩnh vực kinh tế tập thể.

4. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể

Hỗ trợ quỹ đất cho các HTX, THT để xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ xã viên; đối với phần diện tích được giao đất có thu tiền, thuê đất trả tiền hàng năm được hưởng chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các HTX thuê lại đất của các tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất - kinh doanh; hỗ trợ các HTX, THT tham gia các hội chợ thương mại trong và ngoài nước để giới thiệu, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tiếp cận các nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị nhằm giải quyết đầu ra cho sản phẩm từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh.

5. Tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật

Ưu tiên hỗ trợ các HTX, THT trên địa bàn tỉnh trong công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX, THT tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh, nguồn vốn từ các chương trình, đề án để tạo nguồn vốn mua sắm đổi mới trang thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

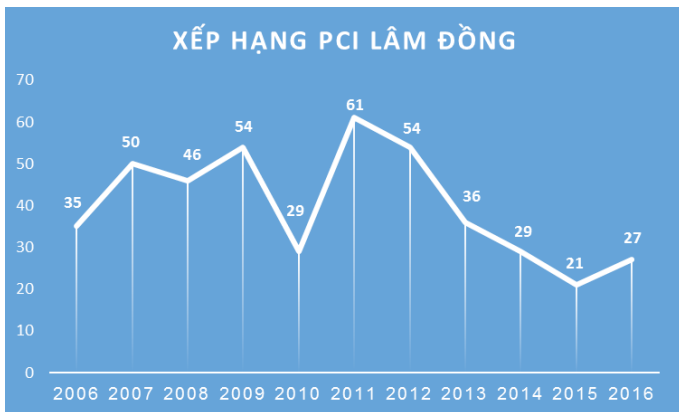
6. Đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác

Xây dựng nội dung và kế hoạch hợp tác, liên kết giữa các HTX của tỉnh với các HTX, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đầu vào, tiêu thụ sản phẩm ở các tỉnh bạn. Tăng cường kêu gọi các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và nước ngoài đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho các HTX, THT hoạt động trên địa bàn tỉnh thông qua các chương trình xúc tiến đầu tư và thương mại của tỉnh. ■

HÀNH TRÌNH PCI LÂM ĐỒNG

LÊ HOA

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI (Provincial Competitiveness Index) được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) kết hợp cùng Dự án sáng kiến năng lực cạnh tranh Việt Nam (VNCI) công bố lần đầu tiên năm 2006, gồm 8 chỉ số thành phần với 47 tỉnh/ thành được đánh giá và xếp hạng. Qua 12 năm, với 10 chỉ số thành phần, PCI đã khẳng định được sự cần thiết và tính hữu ích, trở thành công cụ điều hành kinh tế của các địa phương. Lâm Đồng có mặt trên bảng xếp hạng PCI từ năm 2006.



Trong lần đầu tiên được xếp hạng PCI (2006), Lâm Đồng đứng ở vị trí 35, nhưng liên tiếp 5 năm vị thứ xếp hạng không ổn định, có năm vượt được 25 bậc - từ vị trí 54 (2009) lên 29 (2010), ngay sau đó tụt 32 bậc xuống gần cuối bảng ở vị trí 61 (2011), chỉ đứng trên 2 tỉnh Hà Nam và Cao Bằng. Nhưng, từ năm 2011, vị trí của Lâm Đồng trên bảng xếp hạng PCI luôn được cải thiện theo chiều hướng tăng và vươn lên ổn định ở nhóm khá từ năm 2013 đến nay. Năm 2010, PCI của Lâm Đồng có bước tăng nhảy vọt, được đánh giá là do môi trường kinh doanh của tỉnh thể hiện sự thay đổi tích cực trên lĩnh vực đào tạo lao động và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Một số lĩnh vực có chuyển biến nhưng chưa thật rõ nét là tinh năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh và chi phí không chính thức. Năm 2011 là năm Lâm Đồng có kết quả PCI thấp nhất, với điểm số sụt giảm nghiêm trọng, đặc biệt ở chỉ tiêu tính năng động với điểm trung bình thấp nhất cả nước.

Tuy nhiên, nhìn lại mấy năm qua, Lâm Đồng không những là tỉnh có sự cải thiện PCI tốt mà

Mỗi chỉ số thành phần lý giải sự khác biệt về phát triển kinh tế giữa các tỉnh, thành phố của Việt Nam. Từ năm 2006 trở đi, hai lĩnh vực quan trọng của môi trường kinh doanh là “Thiết chế pháp lý” và “Đào tạo lao động” được đưa vào xây dựng chỉ số PCI và PCI chính thức được khảo sát ở tất cả các tỉnh/thành. Năm 2009, chỉ số “Ưu đãi doanh nghiệp nhà nước” bị loại bỏ, PCI còn 9 chỉ số thành phần cho đến năm 2013, chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng” được đưa vào. Đến nay, 63 tỉnh/thành của Việt Nam hàng năm được đánh giá qua 10 chỉ số thành phần là: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận đất đai và có mặt bằng kinh doanh ổn định; 3) Môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận công bằng các thông tin cần cho kinh doanh và các văn bản pháp luật cần thiết; 4) Thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính và thanh tra, kiểm tra hạn chế nhất (Chi phí thời gian); 5) Chi phí không chính thức ở mức tối thiểu; 6) Cạnh tranh bình đẳng; 7) Lãnh đạo tỉnh năng động và tiên phong; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp do khu vực nhà nước và tư nhân cung cấp; 9) Có chính sách đào tạo lao động tốt; 10) Hệ thống pháp luật và tư pháp để giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả.

còn là tỉnh đi đầu trong một số lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, như phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp FDI... Lâm Đồng cũng đi đầu trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, với nhiều mô hình phát triển rất tốt, đặc biệt là mô hình doanh nghiệp gắn với các hộ nông dân. Nhà nông đã trở thành một mắt xích trong chuỗi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (các doanh nghiệp trà, cà phê, rau, hoa...).

Nhưng, dù những giải pháp của Lâm Đồng đã có những đột phá, vẫn được đánh giá là do nguồn lực hạn chế, nên sự lan tỏa chưa nhiều. Lâm Đồng nên có giải pháp nhân rộng mô hình này, nhất là khi có các doanh nghiệp nước ngoài tham gia, như Nhật Bản, Hà Lan...

Theo ông Vũ Tiến Lộc - Chủ tịch VCCI, Lâm Đồng nên cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh bằng cách: quan tâm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân để phát triển doanh nghiệp vừa

PCI được xây dựng chỉ qua tiếng nói của doanh nghiệp tư nhân, được đánh giá là ý kiến phản ánh trung thực nhất bức tranh của môi trường kinh doanh. Doanh nghiệp tư nhân chính là động lực, là nền tảng của sự phát triển và hệ thống chính sách chắc chắn sẽ theo hướng hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân phát triển. Trong quá trình hội nhập và phát triển, kinh tế tư nhân được coi là động lực chủ yếu và bền vững nhất. Vì vậy, những địa phương gắn chính sách phát triển kinh tế trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân thì sẽ phát triển bền vững hơn các địa phương dựa vào loại hình doanh nghiệp khác.

và nhỏ, thông qua các biện pháp cải cách hành chính, tập trung khắc phục những điểm yếu của mình. Trước hết là tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tiếp cận đất đai; thứ hai là nỗ lực trong việc giảm các chi phí không chính thức; tăng cường hơn nữa tính tiên phong của lãnh đạo và đặc biệt là làm sao để những quyết tâm đổi mới, những chương trình đổi mới phải thực hiện một cách nhất quán từ lãnh đạo tỉnh đến cấp sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh. Lâm Đồng phải nỗ lực nhiều hơn để tập trung vào những lĩnh vực mình đang có lợi thế, như xây dựng chiến lược và xúc tiến mạnh mẽ cho ngành du lịch; mở rộng, xây dựng thêm mô hình để khẳng định Lâm Đồng là lãnh địa của nông nghiệp công nghệ cao.

Từ Bảng tổng hợp các chỉ số của Lâm Đồng qua các năm có thể nhận thấy, tiêu chí có điểm thấp nhất và chưa bao giờ đạt đến 6 điểm là chỉ số “tính năng động”, chỉ duy nhất năm 2013, chỉ số này đạt 5,88 điểm, còn lại đều dưới 5; hai chỉ số khác là “hỗ trợ doanh nghiệp” và “đào tạo lao động” cũng luôn thấp hơn 6. Tính điểm PCI hàng năm của Lâm Đồng cũng chưa bao giờ chạm mức 6 điểm dù mấy năm nay luôn nằm trong top Khá của Bảng xếp hạng PCI.

Từ năm 2014, mỗi năm, Chính phủ đều ban hành Nghị quyết số 19, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cũng là mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đặt mình vào thế cạnh tranh toàn cầu, sử dụng chỉ số của Ngân hàng Thế giới chứ không chỉ dùng công cụ nội bộ để cải cách, là bước đột phá cần thiết tạo hiệu ứng trong giải quyết các điểm ách nghẽn về cơ chế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của tỉnh và của cả quốc gia.



Lãnh đạo tỉnh và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối thoại với doanh nghiệp

Lâm Đồng trong 2 năm 2015, 2016, đều ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 19 của Chính phủ và giao nhiệm vụ cụ thể cho 18 sở, ngành và 12 huyện/thành phố trong tỉnh theo lộ trình nhằm thực hiện các chiến lược cải cách hành chính trong công tác điều hành kinh tế của tỉnh để thúc đẩy môi trường kinh doanh thân thiện hơn.

Mới đây, trong cuộc họp đánh giá tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2017, ông Đoàn Văn Việt - Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng, nhấn mạnh: Công tác cải cách hành chính liên quan đến chỉ số PCI. Mỗi tỉnh đều cố gắng nâng cao chỉ số PCI, vì vậy Lâm Đồng dù cố gắng rất nhiều cũng không dễ cải thiện chỉ số PCI. Năm nay, chỉ số về “tính năng động” của lãnh đạo tăng, là nỗ lực của lãnh đạo các sở, ngành, địa phương. Cần tìm hiểu nguyên nhân các chỉ số khác tăng ít hoặc giảm điểm, đồng thời tìm ra giải pháp khắc phục... Năm 2017, tỉnh xác định các chỉ số để tập trung cải thiện, không phải nhằm nâng cao vị thứ xếp hạng mà để thu hút đầu tư, khẳng định ý chí và khả năng học hỏi, tạo cơ hội cho địa phương. ■



Tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng

CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Ngày 11/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã thông qua Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND và quyết nghị những chính sách đặc thù nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020. Bản tin Khoa học Công nghệ và Doanh nghiệp Lâm Đồng xin trích giới thiệu cùng bạn đọc.

I. Đối tượng, phạm vi, nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối tượng áp dụng

a) Các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được nhận ưu đãi và hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Đề án này.

2. Phạm vi: Vùng nông thôn thuộc tỉnh Lâm Đồng không bao gồm địa bàn của phường thuộc thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc.

3. Nguyên tắc: Ưu tiên các dự án đầu tư vào lĩnh vực mới, ứng dụng công nghệ mới và sẵn sàng hội nhập kinh tế quốc tế.

II. Dự án được hỗ trợ và điều kiện hỗ trợ

1. Các dự án do ngân sách Trung ương hỗ trợ và một phần đối ứng ngân sách địa phương

a) Lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi:

- Dự án chăn nuôi bò thịt cao sản (bò lai F1): tối thiểu 200 con/dự án;

- Dự án chăn nuôi bò sữa cao sản: tối thiểu 500 con/dự án;

- Dự án chăn nuôi heo thường xuyên tập trung: tối thiểu 1.000 con heo thịt/dự án.

b) Lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản:

- Dự án nhà máy xử lý sau thu hoạch rau, củ, quả: công suất tối thiểu 30.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến rau, củ, quả: công suất tối thiểu 10.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến cà chua: công suất tối thiểu 10.000 tấn nguyên liệu/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến sữa: công suất tối thiểu 18.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến thức ăn gia súc: công suất tối thiểu 20.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến tinh cà phê: công suất tối thiểu 200 tấn thành phẩm/năm/dự án;

- Dự án nhà máy chế biến mùn cao su: công suất tối thiểu 9.000 tấn mùn/năm/dự án.

c) Điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ:

- Điều kiện hỗ trợ: các sản phẩm, dự án được hỗ trợ thuộc các lĩnh vực và đáp ứng các điều kiện quy định tại Mục 1 Phần II nêu trên; đồng thời đáp ứng các điều kiện quy định trong các Điều 11, Điều 16 của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- Mức hỗ trợ: áp dụng mức hỗ trợ cao nhất theo quy định tại các Điều 11; Điều 16 của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

2. Các dự án do ngân sách địa phương hỗ trợ

a) Lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi:

- Cơ sở sản xuất giống cây mắc ca: quy mô tối thiểu 500.000 cây giống/năm/cơ sở;

- Dự án sản xuất giống rau, hoa: quy mô 20 triệu cây giống thương phẩm hoặc 01 triệu cây giống *in vitro*/năm/dự án;

- Cơ sở giết mổ tập trung: công suất tối thiểu 100 con gia súc hoặc 2.000 con gia cầm/ngày đêm/cơ sở.

- Dự án chăn nuôi heo giống thường xuyên tập trung: tối thiểu 200 con heo giống/dự án.

- Dự án trồng cây dược liệu: từ 50 ha trở lên.



Sản xuất rau thủy canh tại Công ty TNHH trồng trọt Kim Bông, phường 7, Tp. Đà Lạt



Doanh nghiệp Hàn Quốc tham quan mô hình rau thủy canh tại Tp. Đà Lạt

b) Lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản:

- Dự án nhà máy xử lý sau thu hoạch rau, củ, quả: công suất tối thiểu 10.000 tấn/thành phẩm/năm/dự án;
- Dự án nhà máy chế biến rau, củ, quả: công suất tối thiểu 2.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;
- Dự án nhà máy chế biến cà phê nhân chất lượng cao: công suất tối thiểu 10.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;
- Dự án nhà máy chế biến cà chua: công suất tối thiểu 5.000 tấn nguyên liệu/năm/dự án;
- Dự án nhà máy chế biến thức ăn gia súc: công suất tối thiểu 10.000 tấn thành phẩm/năm/dự án;

c) Điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ:

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư trồng cây dược liệu, cơ sở sản xuất giống cây mắc ca; đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Mục 2, Phần II nêu trên, nằm trong quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận cho phép đầu tư, sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương được hưởng mức hỗ trợ tối đa là 70% chi phí đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.
- Nhà đầu tư có dự án đầu tư sản xuất giống rau, hoa, đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, mục 2, phần II nêu trên, nằm trong quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận cho phép đầu tư được hưởng mức hỗ trợ tối đa là 70% chi phí đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.
- Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở giết mổ tập trung, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, Mục 2, Phần II nêu trên, nằm trong quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt hoặc chấp thuận cho phép đầu tư, bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn

thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật, sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương được xem xét, hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án.

- Nhà đầu tư có dự án đầu tư bảo quản, chế biến nông sản, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm b, Mục 2, Phần II nêu trên, bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo quy định, giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu, sử dụng tối thiểu 30% lao động tại địa phương, sử dụng tối thiểu 60% nguyên liệu tại địa phương, được xem xét, hỗ trợ không quá 50% chi phí đầu tư, với mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng kết cấu hạ tầng (giao thông, điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị).

III. Nguồn vốn

Tổng vốn hỗ trợ trực tiếp giai đoạn 2016-2020 là khoảng 165 tỷ đồng, trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 65,4 tỷ đồng;
2. Ngân sách tỉnh: trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Lâm Đồng bố trí không quá 100 tỷ đồng (bình quân mỗi năm không quá 20 tỷ đồng), gồm:
 - Đối ứng ngân sách hỗ trợ của Trung ương: 43,6 tỷ đồng;
 - Hỗ trợ theo chính sách của tỉnh: khoảng 56 tỷ đồng.

Với cơ chế đặc thù mà Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sẽ là công cụ chính sách tốt, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn và không chỉ hướng tới giải quyết việc làm mà còn nâng cao giá trị sản phẩm nông sản, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới. ■

CHẤN CHỈNH HOẠT ĐỘNG THANH, KIỂM TRA ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

Để tiếp tục hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện và thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình thanh, kiểm tra của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, ngày 13/6/2017, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành công văn số 3687/UBND-NC về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt các nội dung:

- Xây dựng kế hoạch không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với 1 doanh nghiệp; chủ động phối hợp, trao đổi để thống nhất phương án xử lý theo quy định hiện hành, đảm bảo kế thừa kết quả thanh tra, kiểm tra, không làm cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

- Nghiêm túc quán triệt và chỉ đạo chặt chẽ công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao theo quy định tại Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra, Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Tiến hành các cuộc thanh tra theo đúng định hướng, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt; nội dung thanh tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao; không làm tăng số cuộc thanh tra; ban hành kết luận thanh tra đúng thời hạn quy định.



Kiểm tra việc dán tem đồng hồ tổng của cột bơm xăng tại Cửa hàng xăng dầu số 1 (Công ty TNHH dầu Lâm Đồng)

- Trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất: chỉ ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng; kết luận thanh tra, kiểm tra phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm. Người ra quyết định thanh tra, kiểm tra, trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra và công chức thanh tra chuyên ngành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kết luận, làm rõ nguyên nhân, mức độ vi phạm và việc xử lý đối với cá nhân, tổ chức có liên quan. Không mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra vượt quá nội dung của quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất.

- UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan có liên quan; kịp thời phát hiện, xử lý chông chéo, trùng lặp; kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm và định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp kết quả, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Doanh nghiệp có thể tham khảo *Danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh tra, kiểm tra thường xuyên trong năm 2017* theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng tại website <http://lamdong.gov.vn>. ■

KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGHỀ TRỒNG DÂU NUÔI TẦM TẠI LÂM ĐỒNG

TS. NGUYỄN MẬU TUẤN

Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng

Lâm Đồng với ưu thế về khí hậu, đất đai, đã trở thành vùng trọng điểm về dâu tằm của cả nước. Ngành dâu tằm đã và đang phát triển mạnh mẽ mang lại việc làm, nguồn thu nhập đáng kể cho người lao động và ngân sách địa phương. Chính vì vậy, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xác định, cây dâu tằm là một trong những cây trồng trọng điểm của tỉnh và đã được cụ thể thông qua Quyết định quy hoạch số 2897/QĐ-UBND ngày 31/12/2014.

Sản phẩm tơ lụa từ sản xuất dâu tằm phụ thuộc chủ yếu vào thị trường thế giới, hiện nay nhu cầu này đang ngày một gia tăng đã mở ra một lợi thế so sánh cho ngành dâu tằm tại Lâm Đồng. Hiệu quả kinh tế của sản xuất dâu tằm so với các cây trồng khác luôn là mối quan tâm hàng đầu của người lao động, doanh nghiệp, nhà đầu tư để đảm bảo sản xuất ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của ngành dâu tằm, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng được cụ thể hóa trong định hướng hoạt động của mình: tăng năng suất và giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm thông qua công tác chọn tạo giống dâu, giống tằm, các kỹ thuật nuôi, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật,...

Các kết quả nghiên cứu được địa phương, nhà nước công nhận và cho phép chuyển giao ra sản xuất, góp phần không nhỏ cho sự phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm tại Lâm Đồng.

Giống dâu

Từ những năm 80 của thế kỷ trước, Trung tâm đã tiến hành thu thập các giống dâu trong và ngoài nước phục vụ công tác lai tạo và chọn lọc giống. Kết quả, 2 giống dâu đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận S7-CB và VA-201 (Quyết định số 290 NN-KHKT/QĐ ngày 17/7/1993 và Quyết định số 2182 QĐ/BNN-KHCN ngày 29/7/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Các giống này hiện nay chiếm trên 70% diện tích dâu của tỉnh Lâm Đồng, với năng suất/ha/năm trung bình đạt trên 20 tấn, trong điều kiện thâm canh có thể đạt 40-60 tấn (so với 8-10 tấn của giống dâu Bàu đen trồng phổ biến trước kia, hoặc 15-16 tấn/ha của các giống dâu Trung Quốc cùng trên một địa bàn).

Giống tằm

Tại Tây Nguyên, công tác chọn tạo giống chỉ mới bắt đầu từ cuối những năm 1980. Từ chỗ chưa có giống tằm cho vùng, đến năm 1993, Trung tâm đã có giống TN10 (Quyết định số 289 NN-KHKT/QĐ ngày 17/7/1993 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Sau đó là các giống TQ112 (Quyết định số 5218 QĐ/BNN-KHCN ngày 16/11/2000 của Bộ Nông nghiệp và



Giống dâu VA-201



Giống dâu S7-CB

PTNT); giống TN1278 (Quyết định số 319/QĐ/CN-GSN ngày 27/11/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT); giống LĐ09 (Quyết định số 568/QĐ-CN-GSN ngày 29/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) lần lượt ra đời để đáp ứng kịp thời cho sản xuất ở từng giai đoạn của vùng. Năng suất kén của các giống đều trên 40 kg/hộp, chất lượng tơ kén dần được nâng lên, hiện nay giống LĐ09 đã đạt được chất lượng tơ trên 2A.

Các tiến bộ kỹ thuật

Song song với công tác chọn tạo giống, các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả của người trồng dâu, nuôi tằm cũng đã được Trung tâm chú trọng nghiên cứu. Các tiến bộ đã được công nhận và áp dụng thành công vào sản xuất như:

Sản xuất thuốc phòng bệnh tằm với Papzol-B (Quyết định số 2767 NN-KHCN/QĐ ngày 29/10/1997 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Biện pháp phòng trừ rầy hại dâu (Quyết định số 5218 QĐ/BNN-KHCN ngày 16/11/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Biện pháp nuôi tằm con tập trung (Quyết định số 2215 QĐ/BNN-KHCN ngày 02/8/2004 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Quy trình kỹ thuật trồng và thâm canh giống dâu VA-201 và S7-CB ở Tây Nguyên (Quyết định số 33/QĐ-VNLT-KHKH ngày 21/2/2012 của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên).

Quy trình kỹ thuật nuôi tằm 2 giai đoạn (Quyết định số 33/QĐ-VNLT-KHKH ngày 21/2/2012 của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên).

Ngoài ra, Trung tâm còn tư vấn, đánh giá các kết quả nghiên cứu và sản xuất cho các đơn vị, cá nhân, đưa các kết quả này vào triển khai thử nghiệm trong sản xuất:

Máy thái dâu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Mai NMC.

Né gỗ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Mai NMC.

Các dự án triển khai

Từ các kết quả nghiên cứu, Trung tâm chuyển giao áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, các giống mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành dâu tằm:

Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm phát triển bền vững ngành trồng dâu nuôi tằm tỉnh Lâm Đồng (2005-2007).



Mô hình nuôi tằm trên nền nhà

Nghiên cứu triển khai 2 giống dâu mới S7-CB và VA-201 ra sản xuất ở các tỉnh Tây Nguyên (2006-2009).

Xây dựng mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật về trồng dâu nuôi tằm thông qua hộ gia đình tại thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (2008-2009).

Xây dựng các mô hình tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm tại một số xã huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (2008-2010).

Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng tơ kén ở Tây Nguyên (2009-2011).

Xây dựng mô hình trồng dâu, nuôi tằm đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao ở Tây Nguyên (2012-2013).

Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ để phát triển bền vững nghề trồng dâu nuôi tằm ở huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (2012-2014).

Các kết quả đạt được trong nghiên cứu và chuyển giao là việc chọn tạo thành công các giống dâu mới, giống tằm mới; các tiến bộ kỹ thuật. Các dự án triển khai tại Lâm Đồng trong thời gian qua đã được đánh giá hết sức khách quan từ thực tế sản xuất và đã khẳng định được chất lượng, hiệu quả, góp phần bình ổn sản xuất trên địa bàn. Cụ thể đã nâng năng suất lá dâu trên một đơn vị diện tích từ 8-10 tấn/ha lên trên 20 tấn/ha/năm. Năng suất kén từ 38 kg/hộp tằm lên trên 42 kg/hộp. Năng suất kén trên một hecta dâu tăng từ 800 kg lên 1.700-2.000 kg. Giá trị thu nhập trên một hecta trồng dâu nuôi tằm hiện nay ở những vùng và những hộ đã áp dụng tiến bộ kỹ thuật từ các dự án đạt từ 200 đến trên 300 triệu đồng. Tính tại thời điểm hiện nay, với giá kén trên 135.000 đồng/kg thì trên một hecta người nông dân còn lãi từ 90-100 triệu đồng. Việc áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật có thể giảm



Né gỗ

giá thành và tăng lợi nhuận đến 30% so với kỹ thuật truyền thống trước đây trong nuôi tằm lấy kén ươm.

Từ hiệu quả kinh tế cao của ngành dâu tằm hiện nay, diện tích trồng dâu và tổng năng suất kén tăng nhanh đã kéo theo công nghiệp chế biến tơ lụa phát triển mạnh mẽ. Từ chỗ lúc thịnh vượng nhất của ngành dâu tằm trước kia cũng chỉ có 6 giàn máy ươm tơ tự động (hoạt động cầm chừng), khoảng 15 giàn máy ươm tơ cơ

khí thì hiện nay đã phát triển trên 25 giàn máy ươm tơ tự động, trên 20 giàn máy cơ khí, các giàn máy này hoạt động liên tục; vì vậy đã có sự cân đối giữa sản lượng kén và công suất máy ươm. Chất lượng tơ ươm hiện nay phần lớn đạt cấp 2A trở lên, giá bán cao, đã có sự chia sẻ lợi nhuận tương đối công bằng giữa mảng nông nghiệp, công nghiệp và thương mại. Ngành dâu tằm trong 8-10 năm lại đây luôn phát triển cả về diện tích, năng suất và chất lượng, giá sản phẩm ổn định và người nông dân luôn có lãi.

Với định hướng trong nghiên cứu và chuyển giao gắn liền với yêu cầu của sản xuất đã giúp cho sự phát triển ổn định ngành dâu tằm tại Tây Nguyên nói chung và Lâm Đồng nói riêng. Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng đã đặt ra và nghiên cứu thành công các mục tiêu về giống, kỹ thuật phục vụ sản xuất. Các kết quả đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương đánh giá cao; đặc biệt được người nông dân chấp nhận nhiệt tình và mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Từ đó góp phần phát triển ổn định ngành Dâu tằm tơ trong nhiều năm nay và xu hướng sẽ ổn định trong nhiều năm tới. ■

Tập huấn “Xây dựng, áp dụng và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO 17025:2005”

NGUYỄN THỊ THANH TÂM

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

ISO/IEC 17025:2005 là tiêu chuẩn về yêu cầu năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn. Tiêu chuẩn này không chỉ đưa ra các yêu cầu về hệ thống quản lý chất lượng mà còn đảm bảo năng lực kỹ thuật để đạt được những kết quả đo lường/thử nghiệm tin cậy cao và được quốc tế thừa nhận. Áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 sẽ tạo điều kiện cho việc hợp tác giữa các phòng thử nghiệm/hiệu chuẩn và các tổ chức khác nhằm hỗ trợ cho việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm, thống nhất các chuẩn mực và các thủ tục.

Hiện nay, tại tỉnh Lâm Đồng có 10 đơn vị đã xây dựng phòng thử nghiệm/hiệu chuẩn được Văn phòng Chứng nhận chất lượng BoA công nhận hoạt động trong lĩnh vực hóa, sinh, vật liệu xây dựng, điện - điện tử, đo lường - hiệu chuẩn.

Nhằm hỗ trợ cho các phòng kiểm nghiệm, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm, hiệu chuẩn nâng cao năng lực kiểm nghiệm, xây dựng và duy trì hệ thống quản lý phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hội nhập, từ ngày 23-26/5/2017, tại Hội trường Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng, Chi cục Tiêu chuẩn

Đo lường Chất lượng Lâm Đồng phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 đã tổ chức lớp tập huấn “Xây dựng, áp dụng và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005”. Lớp tập huấn có sự tham gia của 40 người là cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và nhân viên phòng thí nghiệm của các đơn vị đang áp dụng và có nhu cầu áp dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 trong thời gian tới.

Các học viên đã được giới thiệu tổng quan về hệ thống ISO/IEC 17025:2005; các yêu cầu tiêu chuẩn; các bước đánh giá nội bộ và thực tập đánh giá nội bộ. Bên cạnh các kiến thức lý thuyết, giảng viên đã chia sẻ kinh nghiệm thực tế, kỹ thuật đánh giá nội bộ kết hợp làm bài tập thực hành giúp học viên tiếp cận được những kiến thức về xây dựng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý phòng thử nghiệm, đồng thời nắm được cách thức đánh giá nội bộ để nâng cao năng lực, khẳng định độ tin cậy đối với kết quả các phép đo/thử/hiệu chuẩn, thúc đẩy giao lưu về kinh tế, khoa học kỹ thuật, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm của địa phương đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài nước. ■

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG NĂM 2017

NGUYỄN THỊ LỆ HƯỜNG

Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng

1. Chương trình khuyến công

Đây là chương trình hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động trên địa bàn tỉnh.

Nội dung hoạt động khuyến công bao gồm: tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động; hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; hỗ trợ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác; tư vấn, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới,...

Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quan tâm, có thể liên lạc trực tiếp với Trung tâm Khuyến công theo địa chỉ: Tầng 5, Khu D, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Tp. Đà Lạt; Điện thoại: 0263.3540355.

2. Chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn thông qua hỗ trợ kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị.

Quý đơn vị quan tâm, xin vui lòng liên lạc với Phòng Kỹ thuật - An toàn và Môi trường thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Tp. Đà Lạt; Điện thoại: 0263.3829665.

3. Chương trình tiết kiệm năng lượng

Thông qua chương trình này, một số doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ xây dựng mô hình ứng



Doanh nghiệp Lâm Đồng tham gia hội chợ xúc tiến thương mại

dụng bóng đèn hiệu suất cao tiết kiệm năng lượng (áp dụng trong việc trồng hoa, rau, củ, quả trong nhà kính và các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp).

Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh quan tâm có thể liên lạc Phòng Quản lý Điện năng thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng theo địa chỉ: Tầng 5, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Tp. Đà Lạt; Điện thoại: 0263.3832956.

4. Chương trình kết nối giao thương

Chương trình nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá hàng hóa, sản phẩm thông qua các hội nghị kết nối giao thương giữa tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Quý đơn vị quan tâm, xin vui lòng liên lạc với Phòng Quản lý thương mại thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Tp. Đà Lạt; Điện thoại: 0263.3822122.

5. Chương trình hội nhập kinh tế quốc tế

Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua các hình thức: tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng các nội dung liên quan đến các hiệp định thương mại tự do, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử. Ngoài ra, chương trình cũng kết nối doanh nghiệp mong muốn xuất khẩu hàng hóa với các đối tác nước ngoài thông qua việc cung cấp thông tin và các cơ hội giao thương.

Doanh nghiệp quan tâm có thể liên lạc với Phòng Quản lý Đầu tư và Hợp tác quốc tế thuộc Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, Tầng 5, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Tp. Đà Lạt; Điện thoại: 0263.3531855. ■

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÃ QR ĐỂ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, CHỐNG GIAN LẬN THƯƠNG MẠI

Thực hiện Chương trình bảo vệ thương hiệu hàng hóa Việt Nam theo văn bản số 109/CV-TW/HH ngày 06/5/2016 của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng thông tin đến các doanh nghiệp Chương trình ứng dụng “Quy trình xác thực chống hàng giả” thông qua mã hình QR để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, quản lý dòng hàng và bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp với các nội dung sau:

1. Quy trình xác thực chống hàng giả

Quy trình xác thực chống hàng giả là một sáng chế khoa học hoàn toàn mới do Trung tâm Doanh nghiệp hội nhập và phát triển Việt Nam nghiên cứu phát triển, đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp bằng độc quyền sáng chế theo Quyết định số 61711/QĐ-SHTT ngày 30/9/2016.

Đây là một hệ thống kết nối trực tiếp nhà sản xuất với người tiêu dùng thông qua một quy trình chặt chẽ, nghiêm ngặt mang tính bảo mật cao khiến đối tượng thứ ba không thể xen vào được. Bản chất quy trình có 3 thành phần:

- + Phần mềm ứng dụng trên thiết bị di động mang tên Check, có chức năng đọc và phản hồi thông tin về sản phẩm.

- + Cổng thông tin hàng hóa chính hãng (Check.net.vn), có chức năng lưu giữ các thông tin, cam kết của nhà sản xuất về sản phẩm; tạo mã số bảo mật cho các sản phẩm được bảo vệ.

- + Mã hình QR (Quick Response code – mã phản hồi nhanh) là dạng mã vạch hai chiều chứa thông tin và có thể được đọc bởi máy đọc mã vạch hoặc ứng dụng được cài trên các thiết bị di động.

Sử dụng mã hình QR trong hoạt động thương mại để chứa các thông tin như giá thành, chủng loại, xuất xứ, tên nhà cung cấp sản phẩm. Người tiêu dùng chỉ cần sử dụng điện thoại thông minh để kiểm tra nhanh thông tin sản phẩm trước khi quyết định mua.

Mã hình QR có thể được in trên tem chống giả, tem xác thực hoặc các loại tem tương tự nhằm chống gian lận thương mại. Tem này do đơn vị cung cấp giải pháp tự tổ chức hệ



thống máy móc, thiết bị để in, đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

2. Kiến nghị của Sở Công Thương

- Doanh nghiệp chủ động nghiên cứu, vận dụng Quy trình xác thực chống hàng giả vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thông qua hình thức in trực tiếp mã hình QR lên sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc in trên tem chống giả, tem xác thực nhằm hỗ trợ người tiêu dùng tra cứu thông tin liên quan về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm;

- Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, hướng dẫn cho người tiêu dùng khi mua sắm sản phẩm có gắn mã hình QR về cách thức tra cứu thông tin trực tuyến thông qua thiết bị di động.

Mọi thông tin chi tiết, có thể truy cập cổng thông tin điện tử <http://check.net.vn/>. ■



QUY ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngày 18/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Theo đó, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau: cảnh cáo; phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng (đối với cá nhân) và 2.000.000.000 đồng (đối với tổ chức).

Bên cạnh đó, còn có hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng có thời hạn đối với: Giấy phép xử lý chất thải nguy hại; Giấy phép xả thải khí thải công nghiệp; Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm;... Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Ngoài các hình thức xử phạt trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm hoặc phục hồi môi trường bị ô nhiễm do vi phạm hành chính gây ra; buộc trồng lại, chăm sóc và bảo vệ diện tích khu bảo tồn đã bị phá hủy, phục hồi sinh cảnh ban đầu cho các loài sinh vật, thu hồi nguồn gen từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

b) Buộc tháo dỡ hoặc di dời cây trồng, công trình, phần công trình xây dựng trái quy định về bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, trại chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, nhà ở, lán trại xây dựng trái phép trong khu bảo tồn;

c) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm theo quy định;

d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa,



máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện có chứa loài ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen;

đ) Buộc tiêu hủy hàng hóa, máy móc, thiết bị phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường; buộc tiêu hủy loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa có Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Giấy chứng nhận an toàn sinh học; buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm sinh học đã sản xuất, lưu hành hoặc sử dụng trái phép; tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật;

e) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường của các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

g) Buộc thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ theo quy định; buộc thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành



Sinh viên Khoa Môi trường, Trường Đại học Yersin ra quân vệ sinh môi trường

chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

i) Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung, phát sáng, phát nhiệt, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; buộc lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; buộc lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường; buộc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định;

k) Buộc xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định; buộc vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

l) Buộc di dời ra khỏi khu vực cấm; thực hiện đúng quy định khoảng cách an toàn về bảo vệ môi trường đối với khu dân cư;

m) Truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp theo quy định; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường (đối với tất cả các thông số môi trường của các mẫu môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật) trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành; buộc bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm gây ra theo quy định của pháp luật;

n) Buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2017, thay thế Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. ■

HỖ TRỢ DỰ ÁN ỨNG DỤNG SÁNG CHẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được hỗ trợ 10% tổng vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường của Dự án theo báo cáo quyết toán của Chủ đầu tư được phê duyệt.

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 12/2017/TT-BTC hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư thiết bị của các dự án triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

Đối tượng được hỗ trợ vốn là chủ đầu tư Dự án.

Dự án được hỗ trợ vốn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: dự án hoạt động theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; dự án được lập, thẩm định, phê duyệt hoặc cấp Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; dự án đã hoàn thành, nghiệm thu, quyết toán; dự án đã kết thúc thời gian chạy thử và đủ điều kiện vận hành bình thường.

Mức vốn hỗ trợ bằng 10% tổng vốn đầu tư thiết bị triển khai ứng dụng sáng chế bảo vệ môi trường của Dự án theo báo cáo quyết toán của Chủ đầu tư được phê duyệt sau khi đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hoạt động theo pháp luật của Việt Nam.

Cơ quan hỗ trợ vốn là Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thông tư cũng quy định về nguồn vốn hỗ trợ, cụ thể ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hàng năm theo quy định tại Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam và quy định tại Thông tư số 132/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

Dự án được hỗ trợ vốn sau đầu tư một lần, không phải hoàn trả.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27/3/2017.

LÃNH ĐẠO TỈNH ĐỐI THOẠI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ

Ngày 23/6/2017, tại Hội trường Tỉnh ủy, tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức Hội nghị Đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với 60 doanh nghiệp tiêu biểu đại diện cho các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã trên toàn tỉnh. Đây là hoạt động được tổ chức thường niên của tỉnh Lâm Đồng, là dịp để lãnh đạo tỉnh lắng nghe các ý kiến, đề xuất của doanh nghiệp với tinh thần “cầu thị - thẳng thắn - cởi mở”, đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp khắc phục khó khăn, vướng mắc, tìm các giải pháp tối ưu để hỗ trợ, tháo gỡ cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phát biểu khai mạc hội nghị, ông Nguyễn Trọng Ánh Đông - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng cho biết: Toàn tỉnh hiện có trên 6.000 doanh nghiệp hoạt động ở nhiều lĩnh vực với tổng số vốn điều lệ trên 47.000 tỷ đồng, có 210 hợp tác xã hoạt động trên các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, công nghiệp, dịch vụ... Trong 6 tháng đầu năm 2017, thành lập mới 521 doanh nghiệp, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2016, tổng số vốn đăng ký trên 2.800 tỷ đồng.

Điểm đáng ghi nhận những năm gần đây cộng đồng doanh nghiệp của tỉnh đã tham gia tích cực vào hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giải quyết gần 60.000 việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách địa phương năm 2016 là 4.755 tỷ đồng, chiếm 69,9% tổng thu ngân sách nhà nước, tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển hệ thống giao thông, kênh mương nội đồng, xây dựng thương hiệu nông sản Lâm Đồng.

Tại buổi đối thoại, với tinh thần chân tình, thẳng thắn, cởi mở, dân chủ, các lãnh đạo tỉnh đã lắng nghe ý kiến, kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp và hợp tác xã, cùng trao đổi những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cho các doanh nghiệp và hợp tác xã đang gặp phải. Đại diện các doanh nghiệp cũng đưa ra nhiều ý kiến như: Hợp tác xã Anh Đào với đề xuất mở rộng phạm vi phát triển hợp tác xã và các chính sách hỗ trợ; Công ty Sacom Tuyền Lâm đề xuất tỉnh quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông khu du lịch hồ Tuyền Lâm xứng tầm khu du lịch quốc gia, đề nghị nộp thuế 50 năm 1 lần; Hợp tác xã Vận tải ô tô số 1 Tp. Bảo Lộc đề xuất giảm các thủ tục hành chính về cấp phù hiệu xe, đóng thuế, vé xe; Công ty Du lịch Lâm Đồng với kiến nghị về an ninh, an toàn cho du khách, kẹt xe, rác thải, tăng



giá bất thường dịp lễ, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; Công ty Cổ phần Chè Cầu Đất đề xuất vấn đề xây dựng điện gió; Công ty Du lịch Tam Hà với vấn đề thuê đất...

Đại diện lãnh đạo các Sở Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã lần lượt giải đáp các thắc mắc, ý kiến của doanh nghiệp liên quan đến các ngành chức năng và tìm hướng giải quyết để bảo đảm quyền lợi doanh nghiệp.

Theo ông Đoàn Văn Việt - Chủ tịch UBND tỉnh: tỉnh sẽ tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp và có những giải pháp hỗ trợ, khắc phục. Nhiệm vụ quan trọng của tỉnh hiện nay là vấn đề khởi nghiệp, với kỳ vọng thành lập 10.000 doanh nghiệp vào năm 2020. Để làm được điều đó, cần tập trung vào nhiều vấn đề, hướng đến phát triển doanh nghiệp lớn mạnh cả chất và lượng. Một số vấn đề cần rà soát và khắc phục một cách quyết liệt, tích cực để thu hút đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng như tăng cường chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, du lịch dưới tán rừng, quản lý việc san đất nông nghiệp để xây dựng...

Phát biểu bế mạc hội nghị, ông Nguyễn Xuân Tiến - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy cam kết tỉnh sẽ quyết liệt hơn nhằm tạo môi trường thông thoáng để thu hút doanh nghiệp vào đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, yêu cầu các sở, ngành, địa phương trong tỉnh phải tự nghiên cứu đẩy mạnh cải cách hành chính, công khai các quy trình, mẫu biểu, bãi bỏ những thủ tục rườm rà, trả lời dứt khoát, hướng dẫn, giải thích cụ thể để doanh nghiệp biết thực hiện. Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm của các doanh nghiệp trong tỉnh đến thị trường trong và ngoài nước. ■

Theo Báo Lâm Đồng

TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

CHI LÊ

Sản phẩm điều chỉnh: Phân bón.

Thông báo số G/TBT/N/CHL/400, ngày 19 tháng 4 năm 2017.

Mô tả nội dung: Văn bản thông báo xác định yêu cầu khai báo thành phần hóa lý của phân bón nhập khẩu và đưa ra thị trường tại Chi Lê. Theo văn bản này, các nhà sản xuất phân bón, nhà nhập khẩu và nhà phân phối phải khai báo trên bao bì sản phẩm hoặc nhãn hoặc trong các tài liệu mô tả và vận chuyển có liên quan về thành phần hóa lý của sản phẩm liên quan, các thành phần phân bón và các nguyên tố đi kèm như kim loại nặng và gửi hóa đơn trong trường hợp phân bón dạng rắn với số lượng lớn.

Đồng thời cũng phải khai báo các tham số hóa lý cụ thể khác theo loại và tính chất của phân bón, bao gồm độ hòa tan, tính toán hạt và giá trị pH. Bằng việc đưa ra các yêu cầu chặt chẽ hơn về thành phần hóa lý của phân bón nhập khẩu, sản xuất và đưa ra thị trường trong nước, Chi Lê đang cải thiện thông tin cho các nhà sản xuất nông nghiệp bằng cách sử dụng các đầu vào này. Yêu cầu này cũng sẽ tối ưu

hóa chất lượng phân bón và được kiểm tra trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Ngăn ngừa sự lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe và an toàn của con người; bảo vệ sức khỏe và đời sống động vật, thực vật; bảo vệ môi trường; nâng cao yêu cầu chất lượng sản phẩm.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: chưa được xác định.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổng cục Quan hệ Kinh tế Quốc tế Bộ Ngoại giao - Teatinos 180, tầng 11

Điện thoại: (56)-2-22827-5250;

Fax: (+56)-2-22380-9494

Email: Tbt_Chile@direcon.gob.cl

Tài liệu có sẵn tại:

http://www2.sag.gob.cl/sag_al_dia/consultas_publicas/exigencias_fertilizantes_fisicoquimica.pdf;

https://members.wto.org/crnattachments/2017/TBT/CHL/17_1918_00_s.pdf

KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: Trà thảo dược và trái cây.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/581, ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Mô tả nội dung: Tiêu chuẩn này quy định cụ thể yêu cầu của Kenya về phương pháp phân tích, lấy mẫu cho sản phẩm trà thảo dược và trái cây. Các sản phẩm thảo dược và trái cây dùng cho mục đích y tế không thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn này.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Yêu cầu chất lượng.

Thời hạn góp ý: 05/6/2017.

Thời hạn dự kiến thông qua: tháng 9/2017.

Thời gian có hiệu lực: sau khi công bố bắt buộc bởi Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: 54.974-00.200, Nairobi, Kenya

Điện thoại: (254) 020 605490, 605506/6948258

Fax: (254) 020 609660/609665

Email: info@kebs.org;

Website: <http://www.kebs.org>

TANZANIA

Sản phẩm điều chỉnh: Rượu vang hoa quả.

Thông báo số: G/TBT/N/TZA/108, ngày 18 tháng 5 năm 2017.

Mô tả nội dung: Dự thảo Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu về phương pháp lấy mẫu và kiểm tra đối với rượu vang hoa quả sử dụng cho con người. Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với rượu vang được sản xuất từ các sản phẩm của nho.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: yêu cầu chất lượng, ghi nhãn, bảo vệ sức khỏe và an toàn của người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: tháng 10/2017.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi tuyên bố như một tiêu chuẩn bắt buộc bởi Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Thương mại và Đầu tư.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Tanzania

Địa chỉ: 9524, Dar Es Salaam, Tanzania

Điện thoại: +255 222450206

Email: info@tbs.go.tz

Website: www.tbs.go.tz

BRAZIL

Sản phẩm điều chỉnh: Đồ uống, rượu và các sản phẩm từ nho.

Thông báo số: G/TBT/N/BRA/719, ngày 24 tháng 5 năm 2017.

Mô tả nội dung: Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật này phê duyệt quy tắc về việc ghi nhãn đối với đồ uống, rượu vang, các sản phẩm có nguồn gốc từ nho. Quy chuẩn này thay thế Pháp lệnh số 55 ban hành ngày 18 tháng 10 năm 2002.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Bảo vệ sức khỏe con người.

Thời gian góp ý: 19/7/2017.

Thời gian dự kiến có hiệu lực: 16/11/2017.

Cơ quan chịu trách nhiệm:

Viện Đo lường, Chất lượng và Công nghệ (Inmetro)

Điện thoại: (55) 21 2563,2765;

Fax: (55) 21 2563,5637

Email: barreirastecnicas@inmetro.gov.br;

Website: www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

Sản phẩm điều chỉnh: Thuốc trừ sâu hoạt tính.

Thông báo số: G/TBT/N/EU/469, ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Mô tả nội dung: dự thảo Quy chế của Ủy ban châu Âu quy định hoạt chất beta-cypermethrin không được chấp thuận theo Quy định số 1107/2009 và không thể đưa ra thị trường các sản phẩm bảo vệ thực vật có hoạt chất này ở EU.

Quy định này chỉ liên quan đến việc đưa vào thị trường các chất trên và không ảnh hưởng đến mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với dư lượng thuốc trừ sâu có liên quan. Tuy nhiên, sau khi không được chấp thuận, có thể áp dụng các biện pháp riêng biệt đối với MRL (nếu cần) và sẽ có thông báo phù hợp với các quy trình vệ sinh và kiểm dịch thực vật (Sanitary and Phytosanitary Measure, gọi tắt là SPS) (nếu có).

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: để một hoạt chất được chấp thuận theo Quy định số 1107/2009 (liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật vào thị trường), phải chứng minh các chất này không gây hại cho sức khỏe con người, sức khỏe của động vật và môi trường. Các tiêu chí liệt kê trong Điều 4 của Quy chế (được nêu chi tiết trong Phụ lục II) phải được đáp ứng để cho phép phê duyệt. Tuy nhiên, beta-cypermethrin phải tuân thủ các điều kiện phê chuẩn theo Hướng dẫn số 91/414/EEC vì nó thuộc các điều khoản chuyển tiếp như được nêu cụ thể trong Điều 80 (1)(a) Quy định số 1107/2009. Do đó phải hoàn thành các điều kiện quy định tại Điều 5 của Chỉ thị số 91/414/EEC trước khi phê duyệt.

Trong quá trình đánh giá và xem xét hoạt chất beta-cypermethrin, một số mối quan tâm và các lĩnh vực không thể hoàn thành được xác định. Nội dung này được trình bày chi tiết trong phần kết luận của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA). EFSA đã kết luận việc sử dụng beta-cypermethrin đã được đánh giá có nguy cơ cao đối với các sinh vật thủy sinh; ong và các động vật chân đốt không phải là mục tiêu. Ngoài ra, đánh giá rủi ro đối với đất, sinh vật dưới nước và đánh giá tiếp xúc đối với nước ngầm không thể kết luận được do không có đủ thông tin liên quan đến sự tồn tại và tác động của vòng cyclopropyl beta-cypermethrin.

Hơn nữa, không cung cấp thông tin về sự trao đổi chất của gia súc để xác nhận dư lượng các sản phẩm động vật và thông tin về đặc tính độc tính của chất chuyển hóa PBA, sự liên quan của nó trong việc đánh giá rủi ro đối với người tiêu dùng.

Những mối quan tâm này có nghĩa là beta-cypermethrin không đáp ứng các điều kiện để được phê duyệt như đã nêu trong Điều 5 của Chỉ thị số 91/414/EEC.

Thời hạn góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời gian dự kiến thông qua: quý 3 năm 2017.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 20 ngày kể từ công bố trên tạp chí chính thức của Liên minh châu Âu.

Cơ quan chịu trách nhiệm:

Ủy ban châu Âu; Điểm hỏi đáp TBT tại EU

Fax: + (32) 2 299 80 43;

Email: grow-eu-tbt@ec.europa.eu

Website: http://ec.europa.eu/growth/tools-databases/tbt/

CÔNG TY SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN PHONG THÚY VỚI MÔ HÌNH LIÊN KẾT HÌNH THÀNH CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN

NHẬT QUÂN

Công ty Sản xuất Thương mại Nông sản Phong Thúy (Công ty Phong Thúy) mỗi ngày xuất đi hàng chục tấn nông sản các loại. Mỗi loại không quá nhiều về số lượng, nhưng đa dạng về chủng loại và kích cỡ. Những loại nông sản này được Công ty Phong Thúy liên kết với 30 hộ nông dân ở Đức Trọng, Đơn Dương và Đà Lạt, cung cấp từ 4-5 ngàn tấn rau, củ, quả các loại.

Hơn 10 năm trước, Công ty Phong Thúy còn ở quy mô trang trại, cũng là thời gian phải loay hoay tìm đầu ra và tìm cách nâng cao giá trị nông phẩm. Ông Nguyễn Hồng Phong - Giám đốc Công ty Phong Thúy, tâm sự: *“Lúc ấy, được sang Úc học hỏi kinh nghiệm, tôi nhận ra, nền nông nghiệp của mình có một số điểm “nghẽn”. Khi về, tôi tìm cách giải quyết các điểm “nghẽn”, trong đó có câu chuyện “được mùa mất giá, được giá mất mùa” của người nông dân do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún nói riêng và nền sản xuất nông nghiệp trong tình trạng không ổn định nói chung do thiếu sự liên kết tạo thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, từ đồng ruộng đến thẳng bếp người tiêu dùng”...*

Đến nay, Công ty Phong Thúy có 80% nông sản được tiêu thụ tại các siêu thị trong cả nước và 20% tiêu thụ tại các thị trường truyền thống. Nông sản của nông hộ được thu mua theo giá thỏa thuận đặt hàng từ trước. Nếu giá thị trường sụt giảm nhiều so với giá thỏa thuận thì người nông dân chỉ phải chịu giảm giá khoảng 10%; còn nếu giá thị trường tăng cao hơn thì doanh nghiệp sẽ hỗ trợ giá thêm cho nông dân, đảm bảo những nông hộ tham gia chuỗi liên kết lúc nào cũng được lợi hơn tự sản xuất đại trà... Từ đó, nông sản có giá cả ổn định, quyền lợi của người nông dân được bảo đảm, các nông hộ yên tâm sản xuất.

Ông Trần Văn Hương (thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng), cho biết: *“Liên kết với Công ty Phong Thúy 10 năm qua, chúng tôi đã xây dựng được cơ chế sản xuất bền vững. Doanh nghiệp ký kết với nông hộ sản xuất một số loại mật hàng và đảm bảo giá cả luôn cao hơn 15-20% so với không liên kết. Trên nhãn hàng có ký hiệu để có thể truy suất nguồn gốc đến từng nông hộ, đảm bảo chất lượng sản phẩm và trách nhiệm của người nông dân với sản phẩm của mình”...*

Công ty Phong Thúy từ năm 2005 bắt đầu định hướng sản xuất rau an toàn, giao về các đầu mối theo hợp đồng, sản xuất theo tiêu chuẩn



Trong vườn rau thủy canh của Công ty Phong Thúy

VietGAP. Hàng năm, Công ty Phong Thúy dành thời gian, nguồn lực để tìm hiểu, tiếp cận công nghệ của thế giới; quan sát, nắm bắt nhu cầu thị trường tiêu thụ; cùng các nông hộ tham gia liên kết đi tham quan ở các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia hay các nước tiên tiến như Úc, Nhật Bản, châu Âu để học hỏi những công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến áp dụng vào sản xuất tại đơn vị mình...

Thời gian đầu, rau an toàn của Công ty Phong Thúy chỉ chiếm khoảng 20% sản lượng, sản xuất theo hợp đồng cũng chiếm 20-30%, nhưng càng ngày càng tăng dần. Sản lượng tiêu thụ của Công ty Phong Thúy cũng theo đó tăng dần và đang ở mức 10 ngàn tấn/năm, trên diện tích 50 ha của Công ty và hơn 70 ha liên kết với nông dân. Công ty Phong Thúy thực hiện kế hoạch sản xuất trước từ 5-6 tháng để luôn chủ động được nguồn hàng và chủng loại. Từ cuối năm 2016, Công ty Phong Thúy đã tiến hành triển khai sản xuất 2 ha rau thủy canh vì chất lượng sản phẩm ổn định, được thị trường cao cấp chấp nhận.

Hiện tại, Công ty Phong Thúy có hơn 30 loại rau, mỗi loại có nhiều dòng sản phẩm khác nhau, tập trung lại có hơn 80 mã hàng hóa, với trên 70% sản lượng rau đến siêu thị, nhà hàng ở

Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ; khoảng 10-15% xuất khẩu và phần còn lại bán ra thị trường truyền thống. Nguồn giống ở Công ty Phong Thúy được bảo đảm với giống thuần do Công ty tự sản xuất; giống rau có nguồn cung từ trong nước như bí, dưa leo...; còn các giống rau lai hoặc rau cao cấp hầu như nhập khẩu, chiếm tới 70%.

Gần 130 ha của Công ty Phong Thúy đều áp dụng phương thức tưới tự động theo 2 dạng công nghệ tưới nhỏ giọt và tưới phun sương. Một số loại cây trồng cao cấp cũng được sử dụng cả hai dạng trên: ở gốc tưới nhỏ giọt, trên lá tưới phun sương... Công ty Phong Thúy cũng bắt đầu áp dụng công nghệ tưới thông minh của các nước châu Âu và Nhật Bản, trên diện tích 2.000 m² - máy hoạt động theo lệnh được cài sẵn, tự hút phân, tự cân đối, có sự phân tích các loại chất dinh dưỡng mà cây trồng thiếu nhằm bổ sung, đưa dữ liệu về trung tâm để theo dõi...

Công ty Phong Thúy là một trong 9 doanh nghiệp của tỉnh Lâm Đồng được công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. Để được chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn khó hơn các tiêu chuẩn VietGAP..., dựa vào quy mô sản xuất, tỷ trọng đầu tư nghiên cứu phát triển mới trong doanh số, thành tích đạt được và những tiêu chí về xã hội như tác động môi trường, đời sống người lao động... Vì vậy, đến cuối năm 2016, cả nước chỉ có 25 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, trong đó Lâm Đồng có tới 9 doanh nghiệp. Sở dĩ Lâm Đồng có nhiều doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao hơn các địa phương khác và đa số là doanh nghiệp sản xuất rau, hoa do dễ áp dụng công nghệ, dễ tiếp cận cái mới hơn các doanh nghiệp sản xuất cây ăn trái hay chăn nuôi.

Liên kết hình thành chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm đang là hướng đi bền vững trong sản xuất nông nghiệp an toàn hiện nay, đảm bảo chất lượng nông sản đến tay người tiêu dùng, ổn định giá trị nông sản, đồng thời xây dựng thương hiệu cho doanh nghiệp. Đây cũng là yếu tố tiên quyết giúp người nông dân chuyên tâm phát triển sản xuất theo hướng bền vững. Tuy nhiên, mô hình này cũng cần sự quan tâm của Nhà nước trong việc tạo cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp, cũng như tạo thuận lợi trong các thủ tục hành chính để xây dựng thương hiệu nông sản, hỗ trợ vốn phát triển sản xuất. ■

Sau 3 năm hoạt động, sản phẩm mắc ca mang thương hiệu Việt Xanh Lâm Đồng đã cung cấp theo đơn đặt hàng từ các hệ thống siêu thị cao cấp trong nước, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Từ lò rang sấy thủ công quy mô hộ gia đình, chủ nhân Đỗ Đình Dũng ở thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng đã tự nghiên cứu thiết kế, bổ sung hoàn chỉnh dây chuyền chế biến mắc ca quy mô thành Công ty TNHH Việt Xanh, đạt chất lượng an toàn thực phẩm.

Đầu tư dây chuyền sản xuất từ lò sấy thủ công

Giám đốc Công ty Việt Xanh, anh Đỗ Đình Dũng xác định: “Hàng năm, vùng nguyên liệu mắc ca Tây Nguyên thu hoạch chính vụ kéo dài trong 3 tháng 8, 9 và 10. Còn mùa nghịch vụ thu lác đác tháng 3, 4 và 5. Trong năm vừa qua, mỗi ngày, Công ty chúng tôi thu mua cạnh tranh hạt mắc ca nguyên liệu vùng Tây Nguyên khoảng 2 tấn tươi mùa chính vụ và 1 tấn tươi mùa nghịch vụ. Trong đó chiếm 40% sản lượng được thu mua trực tiếp từ người nông dân Lâm Đồng...”

Theo tỷ lệ chế biến “2 tươi” thành “1 nhân” thành phẩm, Công ty TNHH Việt Xanh đã và đang cung ứng 2 dòng sản phẩm ưa chuộng tại hệ thống siêu thị cao cấp thuộc 3 miền Bắc - Trung - Nam. Đó là dòng sản phẩm “hạt mắc ca nguyên vỏ tách nứt” và “hạt nhân mắc ca sấy” đều phân phối qua hợp đồng đặt trước nhiều tháng, vì vậy, Công ty gần như không còn sản phẩm bán ra cho thị trường tiêu dùng địa phương.

Với dây chuyền thiết bị hoàn chỉnh có giá trị đầu tư khoảng 4 tỷ đồng, tọa lạc trên diện tích hơn 250 m², Công ty TNHH Việt Xanh mới vận hành hết công suất chế biến 1 tấn hạt mắc ca thành phẩm mỗi ngày trong 3 tháng thu hoạch chính vụ. Riêng 3 tháng nghịch vụ, Công ty TNHH Việt Xanh chỉ chế biến hơn 500 kg hạt mắc ca thành phẩm mỗi ngày. Tất cả đều chung một nguyên nhân thiếu nguồn nguyên liệu mắc ca đầu vào.

Nhìn lại đây là một bước tiến vượt trội của Công ty TNHH Việt Xanh bởi 3 năm trước đó, đơn vị chỉ có một chiếc lò sấy hạt mắc ca do các cơ sở cơ khí chế tạo giá trị vài triệu đồng. Chủ hộ Đỗ Đình Dũng bấy giờ vừa làm kỹ thuật viên rang sấy, vừa dạo bước

THƯƠNG HIỆU MẮC CA VIỆT XANH TỪ LÒ SẤY THỦ CÔNG

VŨ VĂN



Sản phẩm mắc ca Việt Xanh chủ yếu cung cấp theo đơn đặt hàng từ các hệ thống siêu thị cao cấp trong nước



Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đến thăm dây chuyền chế biến mắc ca khép kín của Công ty TNHH Việt Xanh

khắp nơi biểu tặng, giới thiệu sản phẩm hạt mắc ca chế biến thủ công của mình cho khách hàng thân quen, từ đó tiếp nhận những ý kiến đóng góp phản hồi nhằm nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. *“Phải mất ít nhất 100 ngày ròng rã, gia đình chúng tôi mới thay đổi, điều chỉnh cơ bản quy trình rang sấy trong lò thủ công vừa đủ độ chín, thơm, giòn mà vẫn giữ nguyên vẹn chất lượng và mùi hương tự nhiên của hạt mắc ca để thâm nhập thị trường...”* - Giám đốc Đỗ Đình Dũng kể lại.

Nguyên liệu sản xuất đạt tiêu chuẩn

Hiện tại, với dây chuyền chế biến mắc ca đạt chất lượng an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Việt Xanh đã mở rộng liên kết với khoảng 500 hộ nông dân canh tác mắc ca xen canh với cây chè, cà phê ở Lâm Đồng, thuộc địa bàn các huyện Đam Rông, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc; mỗi hộ trồng xen canh trung bình khoảng 100 cây mắc ca ghép. Trong đó, chiếm 35% số hộ có vườn mắc ca đang trong thời kỳ kinh doanh, còn lại 65% số hộ có vườn mắc ca bắt đầu thu hoạch bóí năm thứ nhất. Hình thức liên kết là Công ty Việt Xanh cung cấp nguồn cây giống mắc ca ghép đầu dòng (sản xuất từ Công ty Vinamacca Tây Nguyên), tư vấn kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch

và bao tiêu toàn bộ sản phẩm với mức giá cao nhất của thị trường cạnh tranh.

Phần lớn sản phẩm mắc ca thu hoạch của hộ nông dân liên kết với Công ty TNHH Việt Xanh đều chọn thời điểm rụng tự nhiên rồi thu gom đưa vào máy tách vỏ xanh trong ngày. Từng ký hạt mắc ca nguyên liệu được bảo quản trong túi lưới, treo nơi thoáng mát từ 2-3 tháng, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp. Khi đưa về Công ty TNHH Việt Xanh, nguyên liệu được đưa vào hệ thống hút gió tự nhiên một lần nữa trước khi chế biến ở dây chuyền máy móc khép kín từ phân loại rang sấy, chừa cắt tách nứt đến đóng hộp...

Giám đốc Công ty TNHH Việt Xanh Đỗ Đình Dũng hạch toán theo giá thị trường tháng 4/2017, với giá thành mắc ca nguyên liệu khoảng 100.000 đồng/kg, năng suất mỗi năm trồng xen canh đạt trung bình 3,5 tấn/ha, tổng doanh thu của người trồng mắc ca khoảng 350 triệu đồng. Trừ các chi phí, nông dân thu lãi mắc ca 300 triệu đồng/ha/năm. Đây là con số lợi nhuận khá sát thực, đáng được tham khảo đối với nông dân vùng cây công nghiệp Lâm Đồng, đặc biệt trong giai đoạn dự báo nguồn nguyên mắc ca chế biến vẫn thiếu hụt rất lớn theo nhu cầu chiến lược trước mắt cũng như lâu dài. ■

CÔNG TY TNHH TM & DV TRƯỜNG HOÀNG ĐỒNG HÀNH CÙNG NÔNG DÂN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CHANH DÂY

ĐẶNG QUỐC MINH

Công ty TNHH TM & DV Trường Hoàng Lâm Đồng

Công ty TNHH TM & DV Trường Hoàng Lâm Đồng tiền thân là cơ sở kinh doanh chanh dây được thành lập từ năm 2003, với trụ sở chính đặt tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng nơi có điều kiện đất đai và thời tiết thuận lợi để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cây chanh dây.

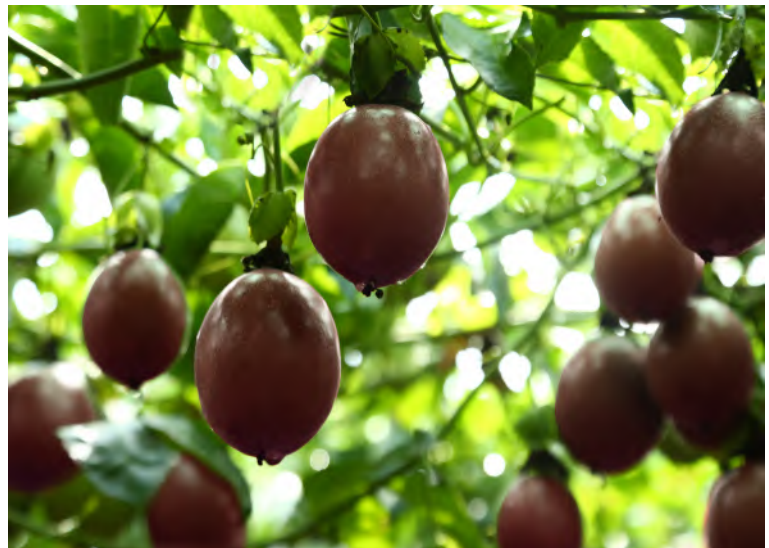
Trong nhiều năm qua, Trường Hoàng Lâm Đồng được biết đến là công ty tiên phong đi đầu trong việc thu mua và cung cấp giống chanh dây chất lượng cao. Bằng những nỗ lực không ngừng, Trường Hoàng Lâm Đồng đã khẳng định được thương hiệu của mình trên thị trường chanh dây trong nước và quốc tế.

Trong suốt quá trình phát triển, Công ty TNHH TM & DV Trường Hoàng (Công ty Trường Hoàng) luôn tích hợp chuỗi giá trị trong nông nghiệp, quan tâm và gắn kết với các trang trại trồng chanh dây của các hộ nông dân tại tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận như Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông,... từ việc cung cấp cây giống, hỗ trợ tư vấn quy trình chăm sóc đến thu mua sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty cũng từng bước đầu tư vào vùng nguyên liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào an toàn và ổn định. Sự kết hợp giữa người nông dân trồng chanh dây và nhà sản xuất đã tạo ra các sản phẩm thực phẩm đạt chất lượng cao và phát triển bền vững.

Với triết lý “*Bền vững cho tương lai*”, Công ty Trường Hoàng luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cho hộ nông dân và khách hàng, đem đến cho thị trường xuất khẩu những sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trong kế hoạch phát triển dài hạn, Công ty phấn đấu trở thành đơn vị xuất khẩu chanh dây hàng đầu khu vực và thế giới, cam kết phát triển với trách nhiệm xã hội cao nhất, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để đáp ứng những đơn hàng xuất khẩu lớn, Công ty đã đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm nước ép chanh dây cô đặc, chanh dây có hạt và tách hạt, hương chanh dây với kinh phí lên đến 220 tỷ đồng trên diện tích 15.000 m², công suất sản xuất từ 120-150 tấn



nguyên liệu/ngày. Nhà máy được thiết kế tổng thể theo tiêu chuẩn tiên tiến quốc tế; chấp hành nghiêm ngặt các tiêu chuẩn tối cao về vệ sinh an toàn thực phẩm chanh dây xuất khẩu trên thế giới.

Hệ thống thiết bị máy móc của Công ty Trường Hoàng với dây chuyền sản xuất liên hoàn, khép kín, được kiểm soát hoàn toàn tự động từ nguyên liệu đầu vào sau khi sơ chế để loại bỏ các tạp chất, qua hệ thống rửa, chà, chà sơ bộ, chà mịn, tách hạt, qua hệ thống pha chế, thanh trùng, làm nguội... cho đến thành phẩm. Sản phẩm qua từng công đoạn được kiểm soát chặt chẽ về chất lượng.



Sản phẩm của Công ty Trường Hoàng đã và đang xuất khẩu đến các thị trường như Anh, Hà Lan, Trung Quốc, Úc,...

Bên cạnh lợi thế về vùng nguyên liệu và hệ thống máy móc hiện đại, Công ty Trường Hoàng còn có đội ngũ chuyên gia, kỹ sư được đào tạo chuyên sâu, mời một số chuyên gia hàng đầu đến từ Ý trực tiếp quản lý sản xuất và kỹ thuật. Công ty không ngừng hoàn thiện bộ máy tổ chức, cải tiến công nghệ, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến

Công ty Trường Hoàng vừa được Công ty Giám định Quốc tế Bureau Veritas Certification chứng nhận đạt tiêu chuẩn Hệ thống vệ sinh an toàn thực phẩm FSSC 22000 phiên bản 3.2, trở thành công ty đầu tiên tại tỉnh Lâm Đồng được trao chứng nhận tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm này.

Hệ thống vệ sinh an toàn thực phẩm FSSC 22000 được công nhận trên toàn cầu, có thể đảm bảo phát hiện và kiểm soát toàn diện các rủi ro liên quan đến an toàn và vệ sinh thực phẩm, giảm sự lãng phí trong quá trình sản xuất cũng như giảm thiểu rủi ro phát sinh các sản phẩm không đạt yêu cầu, từ đó giảm giá thành sản xuất. Khi được cấp chứng nhận này, Công ty Trường Hoàng đã đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm của nhiều liên hiệp bán lẻ lớn trên thế giới, là tiền đề vững chắc để Công ty thâm nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

Hệ thống quản lý này cũng giúp Công ty Trường Hoàng tăng cường năng lực kiểm tra toàn bộ quá trình cung ứng sản phẩm, tăng thêm lòng tin và sự đồng thuận của người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

Trong thời gian tới, Công ty Trường Hoàng dự kiến sẽ triển khai áp dụng tiêu chuẩn Fairtrade - Thương mại công bằng (TMCB) đối với các hộ nông dân trồng chanh dây trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ tiếp cận nguồn cung ứng nguyên liệu thông qua các nguyên tắc thu mua có trách nhiệm, bởi vì hiện nay, không phải tất cả các giao dịch thương mại đều công bằng; nông dân và những người đứng đầu chuỗi sản xuất thường không nhận được lợi nhuận thỏa đáng trong các hoạt động thương mại. Theo đó, đảm bảo nguồn nguyên liệu chanh dây phục vụ sản xuất, Công ty Trường Hoàng hướng đến người nông dân trồng chanh dây một cách bền vững - người trực tiếp sản xuất, cung cấp nguyên liệu, mang lại lợi ích cho công ty, cộng đồng và môi trường.

Việc áp dụng tiêu chuẩn xã hội Fairtrade sẽ góp phần mang đến cho người nông dân cuộc sống ổn định hơn, góp phần xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu cho bản thân và cộng đồng từ chính mảnh đất của họ.

Với những cam kết không ngừng thúc đẩy việc cải thiện, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm, Công ty Trường Hoàng đã góp phần mang lại các sản phẩm vượt trội về an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng, cũng như mang lại đời sống tốt đẹp hơn cho người nông dân và các giá trị bền vững lâu dài cho cộng đồng. ■

NĂM ĐẦU LẬP HỢP TÁC XÃ RAU SẠCH Ở ĐÀ LẠT

MẠC KHẢI

Với 1 tỷ đồng nguồn vốn khởi nghiệp, anh Trần Văn Sáng đã tập hợp những hộ gia đình thân quen thành lập Hợp tác xã Rau sạch Vinh Sáng, Đà Lạt theo Luật Hợp tác xã mới.

Mới hơn 1 năm hoạt động, Hợp tác xã Rau sạch Vinh Sáng đã mở hướng liên kết ổn định từ sản xuất đến các đối tác tiêu thụ trong và ngoài nước.

Dự phòng những khoản quỹ bù lỗ

Gần giữa tháng 5/2017, anh Trần Văn Sáng (sinh năm 1981), Giám đốc Hợp tác xã (HTX) Rau sạch Vinh Sáng Đà Lạt bố trí cho tôi ghi nhận những vườn rau nhà kính ở khu vực Đa Phú, Đà Lạt mới vừa... thua lỗ. Đó là những loại rau bắp cải, lơ xanh, củ dền, cải thảo... liên tục giảm giá khá sâu trong gần 5 tháng đầu năm 2017, ước tính doanh thu bán ra thấp hơn từ 50% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân do cán cân thị trường tiêu thụ cả nước nghiêng hướng cung vượt cầu, khiến rau VietGAP ở HTX Rau sạch Vinh Sáng cũng không vượt ra ngoài rủi ro mất giá chung.

Nhờ dự phòng trước những khoản quỹ bù đắp thiệt hại, HTX Rau sạch Vinh Sáng đã nhanh chóng khôi phục sản xuất những lứa rau tiếp theo cho hộ gia đình thành viên. HTX Rau sạch Vinh Sáng đã tổ chức sản xuất trong diện tích nhà kính theo hợp đồng thời vụ bao tiêu sản phẩm như cà chua beef, bó xôi, dâu tây, dưa leo baby, hoa hồng môn... Tất cả chế độ chăm sóc đều được ghi chép nhật ký hàng ngày, nhằm đảm bảo đạt tỷ lệ cao nhất sản lượng rau thu hoạch được đối tác tiêu thụ chấp thuận.

Giám đốc Trần Văn Sáng chia sẻ: *"Dù giá thị trường bất ngờ giảm xuống thấp, nhưng HTX Rau sạch Vinh Sáng sản xuất theo hợp đồng từng thời vụ, nên sản lượng vẫn tiêu thụ hết. Không như thời gian tôi làm thương lái đến trực tiếp hộ gia đình thu mua rau khi thị trường được giá. Còn lúc bắp bênh giá xuống thấp thì phần lớn hộ gia đình tự xoay sở, may nhờ rủi chịu..."*

Doanh thu 1,3 tỷ đồng/ha rau VietGAP

Để có tư cách pháp nhân ký kết tiêu thụ rau sạch Đà Lạt lâu dài với các đối tác, thương lái, Anh Sáng tự thân vận động 7 hộ gia đình ở khu vực Đa Phú, Măng Lin, phường 7, Tp. Đà Lạt tham gia thành lập HTX Rau sạch Vinh Sáng và chính thức hoạt động vào tháng 01/2016, bao gồm 5 ha nhà kính đầu tiên trồng xen canh và luân canh khoảng 10 loại như dâu tây, bó xôi, súp lơ, bắp cải, cà chua beef, cà chua picota, dưa leo baby, củ cải baby, cải thảo...

Bằng nguồn vốn tự có 1 tỷ đồng, anh Sáng đã đầu tư giống, các loại vật tư sản xuất phân bổ



Anh Trần Văn Sáng "8X" đầu tư 1 tỷ đồng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh cho HTX Vinh Sáng, Tp. Đà Lạt

phù hợp trên mỗi vườn rau liên kết với các thành viên. Đồng thời quy trình sản xuất các loại rau theo tiêu chuẩn VietGAP cũng đều được HTX phân công nhân viên kỹ thuật phụ trách, hướng dẫn hàng ngày cho hộ gia đình thành viên. Đến giai đoạn thu hoạch, toàn bộ sản phẩm được HTX bao tiêu, cung ứng về các đối tác phân phối cho các thị trường trong nước và xuất khẩu. Trách nhiệm hộ gia đình thành viên liên kết có diện tích đất sản xuất tối thiểu 1.000 m² và đội ngũ nhân công chăm sóc rau hàng ngày.

Doanh thu mỗi lứa rau sau khi hoàn vốn đầu tư ban đầu cho HTX, lợi nhuận được phân chia 25% cho quỹ dự phòng và bổ sung vốn lưu động cho HTX; tỷ lệ 75% còn lại thuộc về hộ gia đình thành viên trực tiếp sản xuất. Đây là tỷ lệ do các hộ gia đình thành viên đồng thuận quyết định sau gần một năm rưỡi hoạt động.

Đến nay, quy mô HTX Rau sạch Vinh Sáng đã tăng lên 11 ha với 15 hộ gia đình thành viên ở Đà Lạt, Lạc Dương và Đức Trọng tham gia. Nếu không tính thị trường mất giá trong 5 tháng đầu năm 2017, trong năm 2016, thu nhập của hộ thành viên HTX Rau sạch Vinh Sáng đã đạt hơn 1,3 tỷ đồng/ha rau nhà kính và hơn 500 triệu đồng/ha rau ngoài trời.

Anh Phạm Ngọc Linh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường 7, TP. Đà Lạt đánh giá: *"HTX Rau sạch Vinh Sáng đã đi đúng hướng ưu tiên phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn. Cấp ủy, chính quyền phường 7 luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng hoạt động hiệu quả, góp phần ổn định và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm rau các loại của nông dân địa phương..."* ■

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

HỆ THỐNG BĂNG TẢI VẬN CHUYỂN

Công ty Cổ phần Viện Máy và dụng cụ công nghiệp (IMI) đã nghiên cứu, chế tạo thành công hệ thống băng tải vận chuyển có thể sử dụng ở hầu hết các dây chuyền sản xuất, các công trình thi công lớn và nhỏ, với kết cấu phù hợp với mọi loại địa hình và vật liệu.

Hệ thống có đặc điểm: năng suất 3.000 tấn/giờ, chiều dài băng tải đến 1,5 km, tốc độ băng tải đến 3,5 m/s, kết cấu băng tải được thiết kế phù hợp với mọi địa hình, có khả năng điều chỉnh cao độ làm việc một cách linh hoạt...

Hệ thống thiết bị đã được lắp đặt và vận hành hiệu quả tại các đơn vị như: Nhà máy sản xuất vôi hóa Hương Hải (Quảng Ninh), Công trình thủy điện Trung Sơn (Thanh Hóa)...

Thông tin chi tiết xin liên hệ:

ThS. Lê Hồng Sơn - Phó Tổng giám đốc IMI
Số 46 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội;
Điện thoại: 0989090995



CHẾ PHẨM SINH HỌC TRONG CANH TÁC CHÈ, CÀ PHÊ, HỒ TIÊU Ở TÂY NGUYÊN

Thông qua việc thực hiện Đề tài “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng một số chế phẩm có nguồn gốc sinh học trong canh tác chè, cà phê, hồ tiêu theo hướng phát triển bền vững tại Tây Nguyên”, các nhà khoa học thuộc Trung tâm Phát triển công nghệ cao, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm vi sinh vật chức năng cho 3 loại cây chủ lực ở Tây Nguyên là: chè (CHE-HTD 02); cà phê (CAFE-HTD 01) và hồ tiêu (HOTIEU-HTD 03) từ các chủng vi sinh vật có chức năng cố định đạm, sinh chất kích thích sinh trưởng, phân giải lân, được phân lập, tuyển chọn từ đất và rễ cây chè, cà phê, hồ tiêu tại Tây Nguyên.



Các chủng sử dụng trong sản xuất chế phẩm đều được phân loại đến loài và có độ an toàn sinh học cao (đạt tiêu chuẩn của Cộng đồng châu Âu theo Hướng dẫn số 90/679/EWG về an toàn sinh học). Đặc biệt, các chế phẩm này được sản xuất từ các vi sinh vật bản địa, nên mức độ thích nghi, sống sót, phát huy tác dụng sẽ cao hơn các chế phẩm khác, năng suất tăng từ 10-20%.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Phát triển công nghệ cao - Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: (04) 37916281;
Email: thunguyen@htd.vast.vn (ThS. Nguyễn Thị Thu - Chủ nhiệm đề tài)



MÁY RANG CA CAO

Nhằm đáp ứng nhu cầu đảm bảo chất lượng sản phẩm, năng suất, xây dựng thương hiệu và tăng sức cạnh tranh của ca cao Việt Nam trên thị trường, các nhà khoa học thuộc Trung tâm Năng lượng và Máy nông nghiệp (Trường Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh) đã nghiên cứu thiết kế, chế tạo thành công máy rang ca cao MRC-50. Thiết bị đã được chuyển giao và lắp đặt tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho hiệu quả tốt.

Tính năng kỹ thuật của máy như sau: năng suất 50 kg hạt ca cao/mẻ, thời gian rang 30-60 phút/mẻ (tùy theo mức độ yêu cầu), nguyên liệu đốt là củ vụn với suất tiêu thụ 10 kg/giờ hoặc 1 HP (nếu dùng điện 1 pha).

Thông tin chi tiết liên hệ: ThS. Nguyễn Đức Cảnh, TS. Nguyễn Thanh Nghị - Trung tâm Năng lượng và Máy nông nghiệp, Trường Đại học Nông lâm Tp. Hồ Chí Minh

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức;

Điện thoại/Fax: 08.37220725-38963805;

Email: ttnl@hcmuaf.edu.vn

BỘ ĐIỀU KHIỂN CNC CHO MÁY CÔNG CỤ

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, các nhà khoa học thuộc Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp đã nghiên cứu, làm chủ thiết kế và chế tạo thành công bộ điều khiển CNC cho máy công cụ.

Bộ điều khiển gồm board mạch chủ IPC, bộ xử lý trung tâm và phần mềm giao diện người - máy, với các thông số kỹ thuật chính như sau: 1) Board mạch chủ IPC: hệ điều hành Windows 7, CPU 2,9 GHz; đĩa cứng 100 Gb; bàn phím, màn hình; RAM 4 Gb; RAM 2 cửa chung cho NCK và PLC; 8 Slot cho card PCI; 2) Bộ xử lý trung tâm có chức năng biên dịch (đọc chương trình gia công, biên dịch các khối dữ liệu ASCII, lưu trữ dữ liệu); chức năng nội suy (tuyến tính 3 trục, cung tròn 2 trục); điều khiển phục vụ máy CNC công nghiệp; giao tiếp với bộ điều khiển servo công nghiệp; có khả năng tích hợp với bộ PLC chuẩn công nghiệp phục vụ quá trình gia công; 3) Phần mềm giao diện người - máy có các chức năng tương thích máy CNC hiện đại và được chia thành 5 nhóm: vận hành, thiết lập tham số, soạn thảo chương trình, hiển thị và cảnh báo, hỗ trợ tiện ích.



Việc thiết kế chế tạo thành công bộ điều khiển CNC hoàn toàn trong nước với giá thành thấp không chỉ góp phần thúc đẩy các nghiên cứu ứng dụng trong nước mà còn đưa nền KH&CN nước ta tiếp cận với các nước phát triển trong lĩnh vực máy công cụ điều khiển số.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: PGS.TS Phạm Hữu Đức Dục, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

456 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội; Điện thoại: 043.8621504.

TIÊU CHUẨN QUY TRÌNH GIÁM SÁT NGUỒN GỐC - BỘ NGUYÊN TẮC UTZ

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN

Têu chuẩn quy trình giám sát nguồn gốc theo Bộ nguyên tắc UTZ là tập hợp các yêu cầu nhằm cung cấp mức độ tin cậy cao mà sản phẩm được chứng nhận UTZ liên quan trên thực tế và hồ sơ với nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất được chứng nhận UTZ, đảm bảo truy nguyên nguồn gốc đối với sản phẩm được chứng nhận UTZ. Chứng nhận về tiêu chuẩn này đảm bảo rằng các sản phẩm được bán bởi một thành viên chuỗi cung ứng (Supply Chain Actor - SCA) được chứng nhận UTZ, kinh doanh và xử lý theo các yêu cầu do UTZ Certified đề ra.

Những người áp dụng tiêu chuẩn nên tham khảo phụ lục sản phẩm cụ thể tương ứng với sản phẩm mà họ đang mua bán, chế biến. Phụ lục không bao gồm các yêu cầu ở dạng điểm kiểm soát nhưng quy định các nguyên tắc và điều khoản liên quan đến hoạt động sản xuất trên thực tế, cấp truy nguyên, tỷ lệ chuyển đổi và giao dịch cổng thông tin thành viên (Good Inside Portal – GIP) và hoạt động kho hàng liên quan đến sản phẩm mà nhà sản xuất, kinh doanh phải quan tâm để đạt được chứng nhận quy trình giám sát nguồn gốc.

Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn áp dụng cho tất cả các SCA mua bán, chế biến sản phẩm có chứng nhận UTZ. Các SCA là các nhà thầu phụ, không sản xuất trực tiếp hoặc sản xuất với khối lượng nhỏ sản phẩm UTZ. Các SCA không thực hiện công bố về UTZ và các nhà bán lẻ hoặc phân phối sản phẩm UTZ không cần phải được đánh giá, chứng nhận UTZ nhưng vẫn phải tuân thủ tiêu chuẩn và có thể được yêu cầu giấy phép mua bán sản phẩm có chứng nhận UTZ trong GIP (*Thông tin chi tiết được nêu tại chương 2 của Quy chế Chứng nhận*).

Chính sách ghi nhãn và nhãn hiệu thương mại (logo) của tiêu chuẩn yêu cầu

Việc ghi nhãn trên bao bì sản phẩm bán lẻ và sản phẩm thực phẩm phân phối. Ví dụ nhãn UTZ trên gói cà phê cho thị trường bán lẻ và gói hạt cà phê cho thị trường phân phối.

UTZ Certified là một chương trình và nhãn hiệu cho canh tác bền vững nhằm tạo ra một thế giới trong đó canh tác bền vững là then chốt. Canh tác bền vững giúp nông dân, người lao động và gia đình đạt được mong muốn, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở hiện tại và trong tương lai.

Tham gia canh tác bền vững, nông dân thực hiện thực hành nông nghiệp tốt, quản lý trang trại hiệu quả, tôn trọng con người và môi trường tự nhiên, người tiêu dùng có thể thưởng thức và tin tưởng vào sản phẩm họ mua về.

Quá trình kiểm soát nguồn gốc sản phẩm giúp quản lý chuỗi sản xuất, truy nguyên nguồn gốc sản phẩm khi cần thiết.

Sử dụng nhãn hiệu thương mại UTZ trên website, quảng cáo hoặc báo cáo doanh nghiệp.

Ghi nhãn bao gồm có logo hoặc không có logo trên tất cả sản phẩm được chứng nhận UTZ. Chính sách này còn quy định đối với việc sử dụng từ ngữ, cách sử dụng logo (màu sắc, vị trí, kích cỡ) đối với các SCA.

Cấp truy nguyên

Cấp truy nguyên là xác định cấp độ một sản phẩm đã chứng nhận có thể được truy nguyên. Trong chương trình UTZ, có 3 cấp truy nguyên có thể áp dụng với sản phẩm được chứng nhận và các quá trình liên quan.

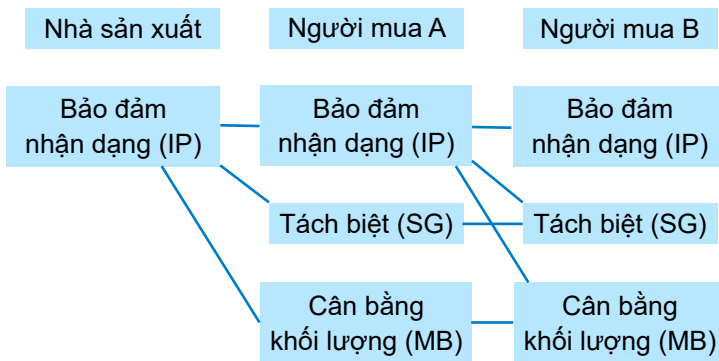
SCA có thể chọn giữa các cấp truy nguyên sau (được liệt kê từ cao đến thấp):

- Đảm bảo nhận dạng hay còn gọi là bảo quản nguyên dạng (Identity Preserved - IP): khả năng truy nguyên trực tiếp với thông tin nhà sản xuất.

- Tách biệt (Segregation - SG): khả năng truy nguyên trực tiếp trên thực tế.

- Cân bằng khối lượng (Mass Balance - MB): khả năng truy nguyên dựa trên hồ sơ.

Các cấp truy nguyên khác nhau có thể được sử dụng trong một chuỗi cung ứng và với một SCA. Lựa chọn này tùy thuộc vào cấp truy nguyên mà SCA sử dụng. Trong suốt chuỗi cung



Có thể kết hợp các cấp chương trình trong toàn bộ chuỗi cung ứng (liên kết vật lý chỉ có thể giữ nguyên như cũ hoặc thấp hơn khi bán cho người mua tiếp theo)

ứng, chỉ có thể chọn một cấp truy nguyên với một liên kết thực tế bằng hoặc thấp hơn đầu vào cung ứng. Mỗi cấp truy nguyên được liên kết với các tùy chọn khác nhau để đưa vào văn bản công bố sản phẩm và sử dụng logo.

Nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất có chứng nhận UTZ chỉ có thể hoạt động ở cấp truy nguyên IP.

Cấp truy nguyên cân bằng khối lượng (MB) chỉ áp dụng đối với ca cao và hạt phỉ (Hazelnut), không áp dụng cho bất kỳ sản phẩm có chứng nhận UTZ nào khác. Người mua đầu tiên là thành viên chuỗi cung ứng UTZ đầu tiên có thể hoạt động ở cấp truy nguyên MB.

Dựa trên đánh giá rủi ro của Tổ chức chứng nhận, địa điểm đánh giá thực tế được quyết định bởi Tổ chức chứng nhận được UTZ Certified phê duyệt (Certification Body approved by UTZ Certified – CB). SG và IP hàm ý một đợt đánh giá thực tế (trụ sở chính, tất cả các địa điểm sản xuất) trong khi MB hàm ý việc xem xét tài liệu hoàn chỉnh (trụ sở chính).

(Còn tiếp)



Hội thảo khởi động

Dự án Canh tác cà phê thích ứng với biến đổi khí hậu

Đà Lạt nổi tiếng cả nước với nhiều sản phẩm rau, củ, quả tươi mang đặc trưng riêng của thành phố cao nguyên. Dâu tây Đà Lạt là một trong những sản phẩm được cấp chứng nhận nhãn hiệu mà hầu hết du khách từ khắp nơi đến với Đà Lạt đều muốn tìm mua để sử dụng và làm quà biếu người thân, bạn bè.

Trong thời gian gần đây, để nâng cao năng suất chất lượng Dâu tây, nhiều doanh nghiệp, hộ nông dân đã đầu tư công nghệ, kỹ thuật nhằm đưa ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, để kiểm tra và đánh giá chất lượng cần có các tiêu chuẩn, chỉ tiêu chất lượng, mức giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) làm căn cứ cho việc đánh giá. Dưới đây là các thông tin về yêu cầu chất lượng cũng như mức giới hạn dư lượng thuốc BVTV được quy định đối với Dâu tây.

Chỉ tiêu chất lượng

Đối với sản phẩm Dâu tây, hiện chưa có tiêu chuẩn quốc gia cũng như quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về yêu cầu chất lượng cho sản phẩm. Hiện nay, chỉ có các tiêu chuẩn về hướng dẫn bảo quản sản phẩm, tại đây quy định điều kiện chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào bảo quản như sau:

Dâu tây được thu hoạch vào thời điểm mát nhất trong ngày, tốt nhất vào sáng sớm trong thời tiết khô. Giai đoạn chín thích hợp để thu hái được xác định bằng diện tích và cường độ của màu đỏ. Hầu hết các giống được thu hoạch khi ba phần tư bề mặt có màu đặc trưng của giống. Dùng ngón cái và ngón trỏ ngắt cuống từng quả; phần cuống được giữ lại trên quả dài khoảng 1 cm.

Dâu tây được hái để bán nên còn nguyên đài và cuống. Dâu tây dùng cho chế biến có thể không có đài hoa.

Dâu tây bảo quản lạnh phải nguyên vẹn, lành lặn, tươi, sạch (không rửa), không bị thối, không

YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN VÀ MỨC GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐỐI VỚI DÂU TÂY TƯƠI

NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN

Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN



bị côn trùng tấn công, ẩm bên ngoài hoặc có mùi vị lạ.

Các yêu cầu này được quy định tại TCVN 9692:2013 Dâu tây – Hướng dẫn bảo quản lạnh.

Tiêu chuẩn quốc gia này phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế tương ứng ISO 6665:1983 Strawberries – Guide to cold storage (Dâu tây – Hướng dẫn bảo quản lạnh).

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam cũng tương đương với tiêu chuẩn Ấn Độ IS 16118:2013 Strawberries – Guide to cold storage, tiêu chuẩn Kenya KS ISO 6665:1983 Strawberries – Guide to cold storage và tiêu chuẩn Thổ Nhĩ Kỳ TSE-TS 4747:1986 Strawberries – Guide to cold storage.

Mức tối đa dư lượng thuốc BTV

Theo quy định tại Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm” có hiệu lực ngày 01/7/2017 thay thế phần 8 Quyết định 46/2007/QĐ-BYT, quy định của EU, Codex, Hoa Kỳ ban hành ngày 07/12/2007 quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc BTV đối với Dâu tây tươi như sau:

| TT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | MRL (mg/kg) | | | |
|----|---------------------------|-------------|-------|------|--------|
| | | Việt Nam | Codex | EU | Hoa Kỳ |
| 1 | Abamectin | 0.02 | 0.02 | 0.1 | 0.1 |
| 2 | Acephate | | | 0.02 | 0.02 |
| 3 | Acetamiprid | 0.5 | | | |
| 4 | Aldicarb | | | 0.02 | 0.05 |
| 5 | Amitraz | | | 0.05 | 0.05 |
| 6 | Azinphos-Methyl | | | 0.5 | 0.5 |
| 7 | Azoxystrobin | 10 | | 2 | 2 |
| 8 | Benomyl | | | 0.1 | 0.1 |
| 9 | Bifenthrin | 1 | 1 | 0.5 | 0.5 |
| 10 | Bifentate | 2 | | | |
| 11 | Bitertanol | | | 0.05 | 0.05 |
| 12 | Boscalid | 3 | | | 3 |
| 13 | Bromopropylate | 2 | 2 | 0.05 | 0.05 |
| 14 | Bromidolon | 30 | | | |
| 15 | Buprofezin | 3 | | | |
| 16 | Captab (n) | 15 | 20 | 3 | 3 |
| 17 | Carbaryl | | | 0.05 | 0.05 |
| 18 | Carbendazim | | | 0.1 | 0.1 |
| 19 | Carbofuran | | | 0.02 | 0.02 |
| 20 | Carbosulfan | | | 0.05 | 0.05 |
| 21 | Chlorfenvinphos | | | 0.02 | 0.05 |
| 22 | Chlormequat | | | 0.05 | 0.05 |
| 23 | Chlorobenzilate | | | 0.02 | 0.02 |
| 24 | Chlorothalonil | 5 | | 3 | 3 |
| 25 | Chlorpyrifos | 0.3 | 0.3 | 0.2 | 0.2 |
| 26 | Clofentezine | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 27 | Chlorpyrifos-Methyl | 0.06 | | | |
| 28 | Cyfluthrin | | | 0.02 | 0.02 |
| 29 | Cyhexatin | | | 0.05 | 0.05 |
| 30 | Cycloxydim | 3 | | | |
| 31 | Cylumetofen | 0.6 | | | |
| 32 | Cypermethrin | 0.07 | | 0.05 | 0.05 |
| 33 | Cyprodinil | | 2 | | 5 |
| 34 | Deltamethrin | 0.2 | 0.2 | 0.2 | 0.2 |
| 35 | Demeton-S-methyl | | | 0.4 | |
| 36 | Diazinon | 0.1 | | 0.01 | 0.02 |
| 37 | Dichlofluanid | 10 | 0.1 | 10 | 10 |
| 38 | Dichlorvos | | 10 | 0.01 | 0.1 |
| 39 | Dicofol | | | 0.02 | 0.02 |
| 40 | Dimethoate | | | 0.02 | 0.02 |

| TT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | MRL (mg/kg) | | | |
|----|--|-------------|-------|------|--------|
| | | Việt Nam | Codex | EU | Hoa Kỳ |
| 41 | Dimethomorph | 0.5 | | | |
| 42 | Dinocap (trừ dầu trồng trong nhà kính) | 0.5 | 0.5 | | |
| 43 | Diphenylamine | | | 0.05 | 0.05 |
| 44 | Diquat | 0.05 | | 0.05 | 0.05 |
| 45 | Dithiocarbamates | 5 | | | |
| 46 | Dodine | | | 0.2 | |
| 47 | Endosulfan | | | 0.05 | 0.05 |
| 48 | Esfenvalerate | | | 0.02 | 0.02 |
| 49 | Etephon | | | 0.05 | 0.05 |
| 50 | Ethoprophos | 0.02 | | | |
| 51 | Famoxadone | | | | 0.02 |
| 52 | Fenamidone | 0.04 | | 0.02 | 0.02 |
| 53 | Fenamiphos | | | 0.02 | 0.02 |
| 54 | Fenarimol | 1 | 1 | 0.3 | 0.3 |
| 55 | Fenbutatin-Oxide | 10 | 10 | 1 | 1 |
| 56 | Fenhexamid | 10 | | 5 | 5 |
| 57 | Fenitrothion | | | 0.01 | |
| 58 | Fenpropimorph | | | 1 | 1 |
| 59 | Fentin acetate | | | 0.05 | 0.05 |
| 60 | Fenvalerate | | | 0.02 | 0.02 |
| 61 | Fenpropathrin | 2 | | | |
| 62 | Fenpyroximate | 0.8 | | | |
| 63 | Fludioxonil | 3 | 3 | | 2 |
| 64 | Fluopyram | 0.4 | | | |
| 65 | Folpet | 5 | 20 | 3 | 3 |
| 66 | Glyphosate | | | 0.1 | 0.1 |
| 67 | Gluforinate - Ammonium | 0.3 | | | |
| 68 | Hexaconazole | | | 0.2 | 0.2 |
| 69 | Hexythiazox | | | | |
| 70 | Imazalil | 2 | 2 | 0.02 | 0.02 |
| 71 | Imidacloprid | 0.5 | | | |
| 72 | Indoxacarb | | | 0.02 | |
| 73 | Iprodione | 10 | 10 | 15 | 10 |
| 74 | Iprovalicarb | | | 0.05 | 0.05 |
| 75 | Kresoxim-Methyl | | | 1 | 1 |
| 76 | Lambda-Cyhalothrin | | | 0.5 | 0.5 |
| 77 | Mancozeb | | | 2 | 2 |
| 78 | Maneb | | | 2 | 2 |
| 79 | Mercaptothion | 1 | 1 | 0.5 | 0.5 |
| 80 | (Malathion) | | | | |
| 81 | Metalaxyl | | | 0.5 | 0.5 |
| 82 | Metalaxyl-M | | | 0.5 | |
| 83 | Metamidophos | | | 0.01 | 0.01 |
| 84 | Meptyldinocap | 0.3 | | | |
| 85 | Methidathion | | | 0.02 | 0.02 |
| 86 | Methomyl | | | 0.05 | 0.05 |
| 87 | Methyl-Parathion | | | 0.02 | 0.02 |
| 88 | (Parathion-methyl) | | | | |
| 89 | Metiram | | | 2 | |

| TT | Tên thuốc bảo vệ thực vật | MRL (mg/kg) | | | |
|-----|---------------------------|-------------|-------|------|--------|
| | | Việt Nam | Codex | EU | Hoa Kỳ |
| 90 | Metoxyfenocide | | | 0.02 | |
| 91 | Methiocarb | 1 | | | |
| 92 | Methoxyfenozide | 2 | | | |
| 93 | Metrofenone | 0.6 | | | |
| 94 | Mevinphos | | | 0.01 | 0.1 |
| 95 | Milbemectin | | | 0.05 | |
| 96 | Myclobutanil | 0.8 | 1 | 1 | 1 |
| 97 | Novaluron | 0.5 | | | |
| 98 | Oxydemeton-methyl | | | 0.02 | 0.02 |
| 99 | Paraquat | | | 0.02 | 0.02 |
| 100 | Penconazole | 0.1 | 0.1 | 0.5 | 0.05 |
| 101 | Penthiopyrad | 3 | | | |
| 102 | Permethrin | 1 | 1 | 0.05 | 0.05 |
| 103 | Phosalone | | | 1 | 1 |
| 104 | Pirimicarb | | 0.5 | | |
| 105 | Pirimiphos-methyl | | | 0.05 | 0.05 |
| 106 | Prochloraz | | | 0.05 | 0.05 |
| 107 | Procymidone | | 10 | 5 | 5 |
| 108 | Profenofos | | | 0.05 | 0.05 |
| 109 | Prohexadione-Calcium | | | 0.05 | |
| 110 | Propargite | | 7 | | |
| 111 | Propiconazole | | | 0.05 | 0.05 |
| 112 | Propineb | | | 2 | 2 |
| 113 | Pyraclostrobin | 1.5 | | 0.5 | 0.5 |
| 114 | Pyrethrins | | | 1 | |
| 115 | Pyrimethanil | | | 5 | |
| 116 | Quinoxifen | 1 | | 0.3 | 0.3 |
| 117 | Spinosad | | | | 0.3 |
| 118 | Spiroxamine | | | 0.05 | 0.05 |
| 119 | Spirodiclofen | 2 | | | |
| 120 | Sulfoxaflor | 0.5 | | | |
| 121 | TEPP | | | 0.01 | 0.01 |
| 122 | Thiacloprid | | | 0.5 | 0.5 |
| 123 | Thiram | | | 10 | |
| 124 | Triadimefon | 0.7 | 0.1 | 0.5 | 0.5 |
| 125 | Triadimenol | | 0.1 | 0.5 | 0.5 |
| 126 | Trichlorfon | | | 0.5 | |
| 127 | Tridemorph | | | 0.05 | 0.05 |
| 128 | Trifloxystrobin | 1 | | 0.5 | 0.5 |
| 129 | Triforine | | 1 | 0.05 | 0.05 |
| 130 | Tolyfluanid | 5 | | | |
| 131 | Vamidothion | | | 0.05 | |
| 132 | Vinclozolin | | 10 | 5 | 5 |
| 133 | Zineb | | | 2 | 2 |
| 134 | Zoxamide | | | 0.02 | |

THÔNG TIN CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT CÔNG NHẬN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Dalat Hasfarm®

Công ty TNHH Dalat Hasfarm

Địa chỉ: 450 Nguyễn Tử Lực, phường 8, Tp. Đà Lạt - Điện thoại: 02633.824947

Email: headoffice@dalathasfarm.com - Website: www.dalathasfarm.com

Lĩnh vực hoạt động

- Trồng, sản xuất và kinh doanh các loại hoa, hoa chậu, cây giống hoa, hạt giống hoa, các loại lá trang trí và các sản phẩm thuộc về nghề làm vườn
- Kinh doanh các loại phụ liệu trang trí và bảo quản hoa, các sản phẩm phục vụ cho người trồng, bán hoa và nghề làm vườn
- Chăn nuôi bò sữa, sản xuất và cung ứng giống bò sữa, bò thịt
- Trồng trọt, chế biến, kinh doanh rau và các loại sản phẩm nông nghiệp
- Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa
- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Số 2011.001, cấp ngày 12/12/2011, thời hạn chứng nhận 5 năm

Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 2.400 người
- Diện tích sản xuất: 300 ha, trong đó diện tích liên kết với các hộ dân 30 ha
- Diện tích nhà kính: 110 ha
- Diện tích chăn nuôi bò sữa và trồng thức ăn cho bò 60 ha
- Khu vực sản xuất: Thành phố Đà Lạt 25 ha, xã Đạ Ròn huyện Đơn Dương 250 ha, xã Xuân Thọ thành phố Đà Lạt 10 ha và đang triển khai dự án tại huyện Lâm Hà 30 ha
- Sản lượng sản xuất và thị trường tiêu thụ/năm:
 - + Sản xuất 100 triệu đơn vị hoa cắt cành, lá trang trí và hoa chậu các loại, trong đó: xuất khẩu đạt trên 60% sản lượng
 - + Xuất khẩu 25 triệu đơn vị giống hoa các loại
 - + Nhập khẩu, phân phối 700.000 cành/chậu hoa, lá trang trí và hoa chậu các loại
 - + Nhập khẩu, phân phối 500.000 đơn vị các loại phụ liệu, dụng cụ lá trang trí và bảo quản hoa, các sản phẩm phục vụ cho người trồng, bán hoa và nghề làm vườn
 - + Nhập khẩu, nhân nuôi, phân lập, kinh doanh thiên địch và các loại nấm có ích





Công ty CP Công nghệ sinh học Rừng hoa Đà Lạt

7A/1 Mai Anh Đào, phường 8, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng - Điện thoại: 02633.811233 - Email: fbio@hcm.vnn.vn - Website: www.fbio.com.vn

Lĩnh vực hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.
- Sản xuất các loại hoa cắt cành cao cấp xuất khẩu
- Sản xuất hoa tươi bảo quản
- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Số 2011.002, cấp ngày 12/12/2011, thời hạn chứng nhận 5 năm

Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 500 người
- Diện tích đất: 50.000 m²
- Diện tích sử dụng: 33.300 m², trong đó diện tích liên kết với các hộ dân 3.000 m²
- Sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001:2008, OHSAS 18001
- Áp dụng công nghệ sản xuất:
 - + Vườn ươm hiện đại với hệ thống tưới phun tự động, chuyển giao công nghệ từ Pháp
 - + Nuôi cấy mô với công nghệ *in vitro*
- Sản lượng sản xuất/năm:
 - + 24 triệu cây giống
 - + 12 triệu củ ly (nhập khẩu)
 - + 2 triệu cành hoa cắt cành
 - + Công ty đã ứng dụng thành công quy trình sản xuất sấy khô hoa tạo màu sắc không khác hoa thật và độ bền hoa lên 3-5 năm, nâng giá trị hoa sấy khô cao gấp 5-10 lần so với hoa tươi cắt cành. Trong 10 năm hoạt động phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, Công ty cũng đã xuất khẩu sang thị trường khó tính nhất là Nhật Bản hàng năm đạt 100.000 sản phẩm
- Thị trường xuất khẩu: Hà Lan, Bỉ, NewZealand, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Úc, Mỹ...



Công ty TNHH Đà Lạt GAP

Địa chỉ: 54B, Nguyễn Tử Lực, Phường 8, TP Đà Lạt

ĐT: (084).02633.834041 - Fax: (084).02633.553154 - Email: dalatgap@gmail.com - Website: www.dalatgap.com

Lĩnh vực hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh rau, quả tươi. Sản xuất, ươm trồng, kinh doanh các loại cây giống và hạt giống
- Sản xuất rau theo tiêu chuẩn Global GAP từ năm 2008
- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Số 2012.002, cấp ngày 24/8/2012, thời hạn chứng nhận 5 năm

Quy mô sản xuất

- Tổng số nhân viên: 61 người
- Diện tích sản xuất 40,5 ha, trong đó diện tích liên kết với các hộ dân 8,5 ha
- Sản lượng: 1.500-3.000 tấn/năm
- Thị trường:
 - + Nội địa: cung cấp theo chuỗi cửa hàng tại Tp. HCM: 5 cửa hàng với 25 điểm bán hàng; Tp. Hà Nội: 2 cửa hàng; Tp. Đà Nẵng; Huế; Buôn Ma Thuột
 - + Xuất khẩu: công ty đã xuất sản phẩm ớt ngọt (*Capsicum*) sang thị trường Nhật Bản

HỢP THỤ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163.

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

TỪ ĐIỂN LĨNH VỰC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

1. An toàn thực phẩm (Food safety)

Là khái niệm chỉ ra thực phẩm sẽ không gây nguy hại cho người tiêu dùng khi được chế biến và dùng theo đúng mục đích sử dụng dự kiến.

An toàn thực phẩm liên quan đến sự có mặt của các mối nguy hại về an toàn thực phẩm mà không bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sức khỏe con người như thiếu dinh dưỡng.

2. Chuỗi thực phẩm (Food chain)

Là trình tự các giai đoạn và hoạt động liên quan đến sản xuất, chế biến, phân phối, bảo quản, sử dụng thực phẩm và thành phần của thực phẩm đó từ khâu sơ chế đến tiêu dùng.

Điều này bao gồm cả việc sản xuất thức ăn cho vật nuôi dùng làm thức ăn chăn nuôi và cho gia súc sử dụng để chế biến thực phẩm.

Chuỗi thực phẩm bao gồm cả việc sản xuất các nguyên liệu sẽ tiếp xúc với thực phẩm hoặc nguyên liệu thô.

3. Mối nguy hại về an toàn thực phẩm (Food safety hazards)

Là tác nhân sinh học, hóa học hoặc vật lý trong thực phẩm hoặc tình trạng của thực phẩm có khả năng gây ra ảnh hưởng xấu đối với sức khỏe.

Mối nguy hại về an toàn thực phẩm bao gồm cả các chất gây dị ứng.

Đối với thức ăn và thành phần thức ăn gia súc, mối nguy hại về an toàn thực phẩm liên quan đến những rủi ro có thể có trong và/hoặc trên thức ăn và thành phần thức ăn gia súc có thể truyền sang thực phẩm thông qua việc tiêu thụ thức ăn gia súc đó, do đó có khả năng gây ra ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Trong trường hợp các hoạt động không liên quan trực tiếp đến thức ăn gia súc và thực phẩm (ví dụ như sản xuất vật liệu bao gói, đại lý làm sạch,...) thì các mối nguy hại về an toàn thực phẩm liên quan là những mối nguy hại có thể truyền trực tiếp hoặc gián tiếp vào thực phẩm do mục đích sử dụng dự kiến của sản phẩm và/hoặc dịch vụ được cung cấp và do đó có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người.

4. Chính sách an toàn thực phẩm (Food safety policy)

Mục tiêu và định hướng tổng thể của tổ chức liên quan đến an toàn thực phẩm như tuyên bố chính thức của lãnh đạo cao nhất.

5. Sản phẩm cuối (End product)

Sản phẩm mà tổ chức không phải chế biến hoặc chuyển đổi gì thêm.

Sản phẩm chịu sự chế biến hoặc chuyển đổi của một tổ chức khác là sản phẩm cuối của tổ chức thứ nhất và là nguyên liệu thô hoặc thành phần của tổ chức thứ hai.

6. Lưu đồ (Flow diagram)

Thể hiện có hệ thống dưới dạng biểu đồ trình tự và mối tương tác giữa các bước.

7. Biện pháp kiểm soát (Control Measure)

Hành động và hoạt động (an toàn thực phẩm) có thể sử dụng để ngăn ngừa hoặc loại trừ mối nguy hại về an toàn thực phẩm hoặc giảm thiểu nó đến mức chấp nhận được.

8. Chương trình tiên quyết PRP (Prerequisite programme)

Điều kiện và hoạt động cơ bản (an toàn thực phẩm) cần thiết để duy trì môi trường vệ sinh trong toàn bộ chuỗi thực phẩm phù hợp cho sản xuất, sử dụng và cung cấp sản phẩm cuối an toàn và thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Các chương trình tiên quyết cần phải phụ thuộc vào phân đoạn của chuỗi thực phẩm mà tổ chức hoạt động và loại hình của tổ chức. Ví dụ về các thuật ngữ tương đương là: Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành thú y tốt (GVP), Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Thực hành chế tạo tốt (GPP), Thực hành phân phối tốt (GDP), Thực hành thương mại tốt (GTP).

9. Chương trình hoạt động tiên quyết (Operational Prerequisite programme)

Là các chương trình tiên quyết được xác định bằng việc sử dụng phân tích mối nguy hại làm yếu tố thiết yếu để kiểm soát khả năng tạo ra các mối nguy hại về an toàn thực phẩm cho sản phẩm và/hoặc nhiễm bẩn hoặc sự gia tăng các mối nguy hại về an toàn thực phẩm trong sản phẩm hoặc môi trường chế biến.



TỪ ĐIỂN LĨNH VỰC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

10. Điểm kiểm soát tới hạn CCP (Critical Control Points)

Giai đoạn (an toàn thực phẩm) tại đó có thể áp dụng việc kiểm soát và là giai đoạn thiết yếu để ngăn ngừa hoặc loại trừ mối nguy hại về an toàn thực phẩm hoặc giảm nguy cơ này đến mức chấp nhận được.

11. Giới hạn tới hạn (Critical limit)

Là chuẩn mực để phân biệt sự có thể và không thể chấp nhận được.

Giới hạn tới hạn được thiết lập để xác định xem điểm kiểm soát tới hạn còn trong kiểm soát hay không. Nếu vượt quá hoặc vi phạm giới hạn tới hạn thì sản phẩm liên quan được coi là tiềm ẩn sự không an toàn.

12. Theo dõi (Monitoring)

Việc thực hiện theo trình tự các quan sát hoặc đo lường theo hoạch định để đánh giá xem biện pháp kiểm soát có được thực hiện như dự kiến hay không.

13. Xác nhận giá trị sử dụng

Là việc cung cấp bằng chứng chứng tỏ rằng biện pháp kiểm soát được quản lý bởi kế hoạch HACCP và các chương trình hoạt động tiên quyết là có khả năng mang lại hiệu lực.

14. Kiểm tra xác nhận

Sự khẳng định, thông qua việc cung cấp bằng chứng khách quan rằng các yêu cầu quy định đã được thực hiện.

15. GMP (Good Manufacturing Practices)

Là mô hình quản lý doanh nghiệp thực phẩm dựa trên các hoạt động về quản lý đầu vào, quản lý sản xuất, quản lý lưu kho, vệ sinh nhà xưởng, vệ sinh nhân viên, vệ sinh trang thiết bị nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh trong môi trường sản xuất và chế biến thực phẩm của doanh nghiệp.

16. HACCP (Hazard Analysis Critical Control Points)

Là chương trình phân tích, phòng ngừa và ngăn chặn các nhân tố gây hại cho sức khỏe người tiêu dùng có trong sản phẩm thực phẩm một cách chặt chẽ và hiệu quả.

17. ISO 22000

Là tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn thực phẩm quốc tế do tổ chức ISO, tổ chức tiêu chuẩn quốc tế xây dựng. Áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Tiêu chuẩn này có giá trị trên toàn cầu.

18. BRC

Là tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn thực phẩm do Hội đồng bán lẻ Anh quốc phát triển. BRC từng là tiêu chuẩn được dùng phổ biến nhất trong khối giao dịch thực phẩm toàn cầu, hiện nay vẫn còn rất giá trị trong Hiệp hội bán lẻ Anh quốc.

19. IFS

Là tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn thực phẩm do Hội đồng bán lẻ Đức, Pháp, Ý phát triển. Tiêu chuẩn này bao gồm các điều khoản chi tiết và cụ thể cho 2 lĩnh vực: chế biến thực phẩm và vận tải thực phẩm. Tiêu chuẩn này cũng được áp dụng rộng rãi trong thị trường thực phẩm thế giới, đặc biệt phổ biến trong khối giao dịch bán lẻ của Đức, Pháp, Ý.

20. SQF

Là tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn thực phẩm do viện Food Marketing Institute của Mỹ phát triển.

